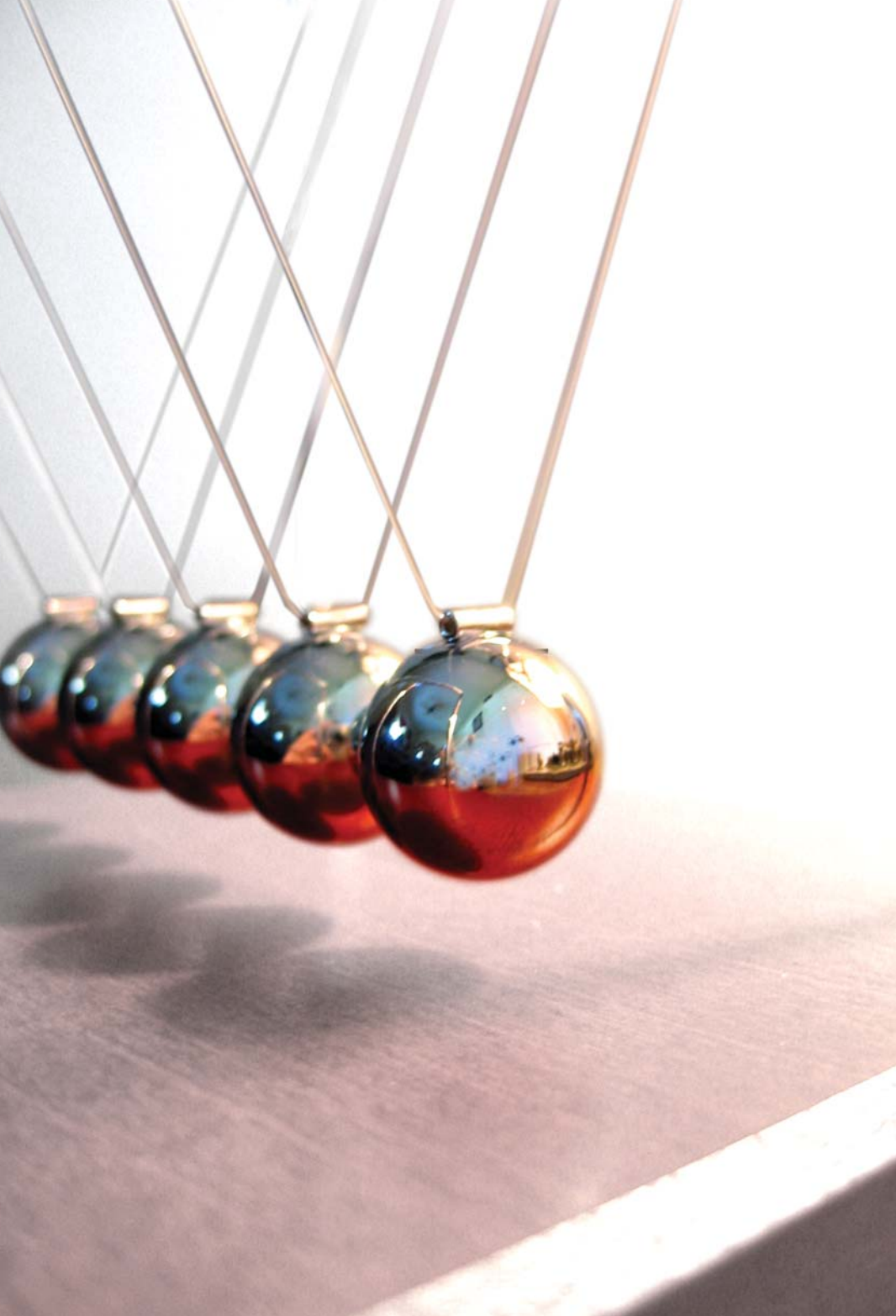




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2008

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



NỘI DUNG

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04	
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	06	
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT	10	Quá trình phát triển
	12	Mô hình tổ chức
	20	Đối tác chiến lược
GIỚI THIỆU CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN		
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	22	Giới thiệu
	25	Lĩnh vực hoạt động
	25	Kết quả hoạt động năm 2008
	25	Định hướng phát triển
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	28	Giới thiệu
	31	Lĩnh vực hoạt động
	31	Kết quả hoạt động năm 2008
	31	Định hướng phát triển
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	34	Giới thiệu
	34	Lĩnh vực hoạt động
	35	Kết quả hoạt động năm 2008
	35	Định hướng phát triển
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	38	Giới thiệu
	38	Lĩnh vực hoạt động
	38	Kết quả hoạt động năm 2008
	38	Định hướng phát triển
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt	40	Giới thiệu
	40	Lĩnh vực hoạt động
	40	Định hướng phát triển
Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam	42	Giới thiệu
	42	Lĩnh vực hoạt động
	42	Kết quả hoạt động năm 2008
	42	Định hướng phát triển
SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM	44	
HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG	45	
DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU	46	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	47	
Báo cáo Tài chính Công ty mẹ	51	Báo cáo kiểm toán độc lập
	52	Bảng cân đối kế toán riêng
	53	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng
	54	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng
Báo cáo Tài chính hợp nhất	58	Báo cáo kiểm toán độc lập
	59	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
	61	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
	63	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
	64	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn Bảo Việt

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KÍNH THƯA QUÝ VỊ,

Ngày 04/10/2007, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thành lập Tập đoàn Bảo Việt đã được tổ chức với ba cổ đông sáng lập là Bộ Tài chính, HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited và Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Đây là kết quả của việc thực hiện chủ trương đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước cùng với nỗ lực thực hiện Đề án cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và thí điểm thành lập Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt theo Quyết định số 310/2005/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Bước sang năm tài chính đầu tiên hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Tập đoàn Bảo Việt đã phải đối mặt với những khó khăn lớn do ảnh hưởng từ sự biến động trong thị trường tài chính và nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng trong năm 2008. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tập đoàn Bảo Việt đã khẳng định vai trò quan trọng của mình trong việc duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện được cơ bản các mục tiêu đặt ra cho năm 2008 trong chiến lược phát triển của Tập đoàn.

Thực hiện vai trò là cơ quan quản lý của Tập đoàn, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt việc giám sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng Giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT, mang lại những kết quả nhất định:

Tập đoàn đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng trong năm tài chính đầu tiên. HĐQT đã tập trung chỉ đạo triển khai công việc sau cổ phần hóa, bao gồm: chỉ đạo thực hiện cơ cấu quản trị doanh nghiệp theo mô hình Công ty mẹ – Công ty con và tiếp tục đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp. Ngày 01/7/2008, Tập đoàn đã chính thức triển khai áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, giúp cho việc thực hiện đa dạng hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, nâng cao trách nhiệm của các đơn vị thành viên, từng bước chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho kế hoạch niêm yết cổ phiếu của Tập đoàn trên thị trường chứng khoán. Cùng với việc áp dụng mô hình quản trị, HĐQT đã phê duyệt Đề án đầu tư phát triển công nghệ thông tin hiện đại hướng tới việc quản lý tập trung trong toàn Tập đoàn.

Theo sát chiến lược phát triển của Tập đoàn mà ĐHCĐ thành lập đã thông qua, HĐQT đã chỉ đạo sát sao việc thành lập Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt (BAOVIET BANK), coi đó là một bước đi phù hợp với xu thế chung của các tập đoàn tài chính lớn, cũng như thể hiện cam kết của Bảo Việt với các nhà đầu tư và khách hàng trong quá trình cổ phần hóa. Ngày 11/12/2008, Ngân hàng Nhà nước đã chính thức cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động BAOVIET BANK với số vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt là 52%. Với sự ra đời của BAOVIET BANK, Tập đoàn sẽ phát huy lợi thế kinh doanh dịch vụ tài chính đa ngành, mang đến sự thuận tiện cho khách hàng với các dịch vụ gia tăng về bảo hiểm, ngân hàng và các

dịch vụ tài chính khác, đồng thời hỗ trợ xây dựng các sản phẩm liên kết ngân hàng - bảo hiểm - đầu tư, gia tăng kênh phân phối sản phẩm.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được năm 2008 và quá trình theo dõi diễn biến tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, bước sang năm 2009, HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện ba mục tiêu chiến lược đã đề ra, cụ thể: Phát triển Bảo Việt thành một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm có tiềm lực tài chính mạnh, cung cấp các dịch vụ tài chính - bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư; Định hướng cung cấp dịch vụ tới mọi đối tượng có nhu cầu, không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện trong hoạt động quản lý và kinh doanh, lấy khách hàng làm trung tâm và định hướng của mọi hoạt động; Phát huy truyền thống đóng góp vào xây dựng xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Để thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược nói trên, HĐQT đề ra một số biện pháp triển khai trong năm 2009 như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác theo dõi, đánh giá, phân tích và dự báo thị trường tài chính trong nước và quốc tế để kịp thời đưa ra các quyết sách, phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, cập nhật thông tin về tình hình trong nước và quốc tế, cung cấp các thông tin và định hướng phát triển cho các đơn vị thành viên.

Thứ hai, đánh giá kết quả bước đầu của việc áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp, tiếp tục triển khai áp dụng sâu rộng trong toàn hệ thống.

Thứ ba, chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển thương hiệu của Tập đoàn nhằm tập hợp và phát huy năng lực của các công ty thành viên, nâng cao và phát triển thương hiệu Bảo Việt.

Thứ tư, tiếp tục tăng cường hợp tác và tận dụng tối đa sự hỗ trợ trao đổi kinh nghiệm và dịch vụ của các đối tác chiến lược.

Thứ năm, tăng cường vai trò, trách nhiệm là đại diện cho ĐHCĐ trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt gửi lời cảm ơn chân thành và lời chúc sức khỏe tới các Quý vị cổ đông, các đối tác và đồng nghiệp đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Quang Bình



▲ Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng dự Lễ ký kết đối tác chiến lược của Bảo Việt



▲ Lễ bàn giao doanh nghiệp giữa Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Tập đoàn Bảo Việt



▲ Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tại Hội thảo Đào tạo nhân lực



Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt – Ông Lê Quang Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH ĐẦU TIÊN (TỪ 16/10/2007 ĐẾN 31/12/2008) VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2009

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH ĐẦU TIÊN

Năm 2008 là năm môi trường kinh tế không có nhiều thuận lợi đối với các lĩnh vực kinh doanh của Bảo Việt do nền kinh tế thế giới có nhiều biến động thất thường, nền kinh tế Việt Nam cũng chịu nhiều tác động gây ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, thị trường tài chính, tiền tệ và chứng khoán.

Đối với Tập đoàn Bảo Việt (Công ty mẹ), năm 2008 là năm bản lề thực hiện các mục tiêu và định hướng chiến lược sau cổ phần hóa, để xây dựng và phát triển Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt với các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi gồm bảo hiểm, đầu tư, chứng khoán và ngân hàng.

Kết quả kinh doanh của các đơn vị Tập đoàn đầu tư 100% vốn điều lệ trên các lĩnh vực như sau:

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) đạt 3.971 tỷ đồng tăng trưởng 28,3% so với năm 2007, vượt 12,3% so với kế hoạch năm 2008. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc tăng trưởng 25,8%. Bảo hiểm Bảo Việt đứng đầu thị trường và chiếm giữ 30,5% thị phần. Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 131 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu đạt 12,9%. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, Bảo hiểm Bảo Việt đã chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, kiểm soát chi phí, tăng cường công tác đánh giá rủi ro, phát triển kênh phân phối sản phẩm qua ngân hàng và đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm bảo hiểm y tế.

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ) đạt 4.928 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2007, hoàn thành vượt mức 2% so với kế hoạch. Bảo Việt Nhân thọ đứng thứ hai trên thị trường bảo hiểm nhân thọ với 33% thị phần. Lợi nhuận sau thuế là 126 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu là 8,3%.

Để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường với sự gia tăng về số lượng các công ty bảo hiểm nước ngoài, Bảo Việt Nhân thọ đã và đang từng bước chuyển đổi từ mô hình kinh doanh phân tán sang tập trung, tăng cường công tác định phí bảo hiểm, phát triển các sản phẩm truyền thống và bắt đầu đưa ra thị trường các sản phẩm liên kết đầu tư trong đầu năm 2009.

Tổng doanh thu của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 50,9

tỷ đồng, tăng trưởng 10,8% so với năm 2007; hoàn thành 97% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 22,12 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu là 43,2%. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt hiện là 1 trong 5 công ty quản lý quỹ lớn nhất trên thị trường với tổng số tài sản quản lý hơn 14,5 nghìn tỷ đồng.

Tổng doanh thu đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt năm 2008 theo số liệu đã được kiểm toán đạt 867,3 tỷ đồng, hoàn thành 126,9% kế hoạch. Tổng doanh thu theo năm tài chính đầu tiên (kể từ 16/10/2007 - 31/12/2008) đạt 1.099,5 tỷ đồng, hoàn thành 95% kế hoạch. Về hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận sau thuế năm 2008 của Tập đoàn là 494,1 tỷ, đạt 92,3% so với kế hoạch. Lợi nhuận theo Năm tài chính của Tập đoàn đạt 678,4 tỷ đồng đạt 95% kế hoạch. Với kết quả kinh doanh trên, mức cổ tức chi trả cho cổ đông là 10% cho năm tài chính (từ 16/10/2007 đến 31/12/2008). Tình hình tài chính của Tập đoàn lành mạnh với hệ số khả năng thanh toán hiện hành đạt 2,19 lần và hệ số khả năng thanh toán nhanh đạt 2,19 lần.

Nguyên nhân Tập đoàn hoàn thành mục tiêu kế hoạch về tăng trưởng doanh thu nhưng chưa hoàn thành về mặt lợi nhuận chính là do sự tác động suy giảm của thị trường chứng khoán, Tập đoàn đã trích dự phòng giảm giá chứng khoán cho các khoản đầu tư là 200 tỷ đồng (chỉ số Vn-Index giảm từ 921 điểm vào đầu năm xuống còn 315 điểm vào cuối năm 2008).

Kết quả kinh doanh của Tập đoàn cụ thể như sau:

Về kết quả kinh doanh hợp nhất, tổng doanh thu kinh doanh theo Năm tài chính của toàn Bảo Việt đạt 11.808 tỷ đồng. Trong đó doanh thu bảo hiểm đạt 8.469,2 tỷ đồng, doanh thu về hoạt động tài chính đạt 3.293,1 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của Chủ sở hữu Tập đoàn Bảo Việt là 529,4 tỷ đồng. Tổng tài sản hợp nhất đến ngày 31/12/2008 là 25.317 tỷ đồng. Mặc dù tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, Bảo Việt đã đảm bảo việc làm cho hơn 5.000 lao động và gần 20 ngàn tư vấn viên bảo hiểm. Tương ứng với kết quả kinh doanh nói trên, Bảo Việt thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Cụ thể trong năm 2008 toàn Bảo Việt đã nộp ngân sách tổng cộng 543 tỷ đồng.

Đạt được kết quả kinh doanh như trên, trong năm 2008, Tập đoàn đã tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp đối phó với tình hình biến động của thị trường và thực hiện các chủ trương chính sách của Chính phủ trong việc thực hiện giải pháp kiểm chế lạm phát, tiết kiệm chi phí, tạm dừng một số dự án đầu tư;
- Thực hiện các định hướng chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn đã từng bước thực hiện đổi mới mô hình tổ chức, quản lý điều hành theo hướng hình thành các khối hoạt động, qua đó phát huy, nâng cao trách nhiệm và vai trò của các khối trong chủ động điều hành các công việc, tăng hiệu quả hoạt động; triển khai áp dụng cơ chế quản trị rủi ro, tài chính, đầu tư, kiểm toán nội bộ tại Tập đoàn và từng bước áp dụng tại Trụ sở chính của các Công ty con;
- Hoàn thành giai đoạn tư vấn, đánh giá, lựa chọn các giải pháp đầu tư các dự án công nghệ thông tin nhằm từng bước thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh theo định hướng chuyên môn hóa và quản lý tập trung; một số dự án về cơ sở hạ tầng và phát triển phần mềm đã được thực hiện trong quý 4 năm 2008 và trọng tâm sẽ được thực hiện trong 2009;
- Triển khai dự án tư vấn xây dựng các chính

sách phát triển nguồn nhân lực, trả lương cán bộ theo công việc, đánh giá hiệu quả công việc và chất lượng lao động; chính sách tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực;

- Triển khai dự án đánh giá thương hiệu và xây dựng chiến lược quản lý thương hiệu của Tập đoàn và các công ty con;
- Thực hiện cam kết của cổ đông chiến lược khi đầu tư vào Bảo Việt, dự án chuyển giao công nghệ cùng HSBC đã triển khai tại Tập đoàn, Trụ sở chính các Công ty con, với sự có mặt và tham gia trực tiếp của các chuyên gia HSBC trong các công việc liên quan tới lĩnh vực công nghệ thông tin, phát triển kênh bán sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng, marketing, các lĩnh vực nghiên cứu sản phẩm mới, định phí bảo hiểm, đánh giá và phát triển sản phẩm;
- Từng bước chuyển đổi từ mô hình kinh doanh phân tán sang quản lý tập trung cơ sở khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng phục vụ khách hàng, bán chéo các sản phẩm trong các đơn vị thành viên.
- Những nỗ lực đổi mới được đầu tư tập trung trong giai đoạn 2008 - 2010 sẽ tạo ra những chuyển biến quan trọng và căn bản trong tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2009

DỰ BÁO KINH TẾ NĂM 2009

Năm 2009, theo nhận định của Chính phủ và đánh giá của các chuyên gia kinh tế, tình hình kinh tế thế giới nói chung và tại Việt Nam sẽ còn tiếp tục gặp khó khăn do những tác động của ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế cũng chứa đựng nhiều rủi ro liên quan tới các lĩnh vực đầu tư, xuất nhập khẩu, tỷ giá, lãi suất.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn được xem là một nước có nền kinh tế đang phát triển với tốc độ tăng trưởng dự báo khoảng 5%. Chính phủ Việt Nam thực hiện các giải pháp kích cầu nhằm ngăn chặn đà suy giảm kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Thị trường bảo hiểm còn nhiều tiềm năng với tỷ lệ phí bảo hiểm trên GDP mới chỉ đạt 1,5%, thấp hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực. Việt Nam trong những năm gần đây cũng đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống tin học, viễn thông và các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bất động sản.

PHƯƠNG HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2009:

Trước những thách thức của môi trường kinh doanh năm 2009, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục thực hiện phương châm đã đề ra từ năm 2008 là **“ĐỒNG LÒNG, ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN”**. Phương châm đổi mới đã được truyền thông tới tất cả cán bộ để đoàn kết đồng lòng phát huy nội lực, kết hợp với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược, phấn đấu nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và vì lợi ích của các cổ đông cũng như của toàn thể cán bộ, tư vấn viên của Bảo Việt.

Với phương châm hoạt động trên, Tập đoàn tập trung thực hiện các định hướng đề ra của Đại hội đồng cổ đông, với các mục tiêu tài chính và giải pháp cụ thể sau:

CÁC MỤC TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2009

Năm 2009 cùng với thực hiện nhiệm vụ kinh doanh còn là năm tập trung nguồn lực vào thực hiện các dự án tư vấn, đầu tư, triển khai các dự án phần mềm quản lý nghiệp vụ. Những kết quả của quá trình đổi mới sẽ là điều kiện nền tảng cho tăng trưởng và phát triển bền vững cho toàn hệ thống Bảo Việt. Tuy nhiên, căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế năm 2009, các chỉ tiêu trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2009 của Tập đoàn với các chỉ tiêu tài chính như sau: Tổng doanh thu của Tập đoàn là 641 tỷ đồng; Tổng lợi nhuận trước thuế là 526 tỷ đồng; Tổng lợi nhuận sau thuế là 507 tỷ đồng; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 8,86%; Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến ở mức 8% năm 2009. Kết quả doanh thu hợp nhất toàn Bảo Việt là 9.717 tỷ đồng, đạt 592 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

Về cơ cấu thu nhập, kết quả thu từ lợi nhuận đầu tư vào các Công ty con của Tập đoàn dự kiến sẽ tăng do tăng cường thực hiện mục tiêu hiệu quả. Nguồn thu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ đạt 137 tỷ đồng và 218 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 16% và 92% so với năm 2008. Doanh thu tài chính của Tập đoàn dự kiến giảm do mặt bằng lãi suất năm 2009 đã giảm khoảng 50% so với mức bình quân năm 2008 và do thực hiện đầu tư phát triển dài hạn. Tập đoàn đã đầu tư vốn chủ sở hữu vào 2 Công ty con gồm Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt và Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt, tiếp tục đầu tư các dự án về công nghệ thông tin, đầu tư một số dự án lớn xây dựng trụ sở kết hợp kinh doanh tại các vị trí trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH:

Tập đoàn Bảo Việt tập trung và chỉ đạo thực hiện 5 giải pháp kinh doanh cơ bản sau:

Thứ nhất: Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; đánh giá, rà soát các sản phẩm cũ và thiết kế sản phẩm mới như bảo hiểm nhân thọ liên kết chung, liên kết đầu tư, các sản phẩm bảo hiểm y tế, sức khỏe; đẩy mạnh các kênh phục vụ tài chính kết hợp đáp ứng nhu cầu khách hàng;

Thứ hai: Nâng cao hiệu quả kinh doanh bằng các biện pháp sử dụng tiết kiệm chi phí; giám sát bồi thường, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá các rủi ro bảo hiểm và đầu tư tài chính; xây dựng các cơ chế kiểm soát rủi ro đầu tư, cơ chế kiểm soát cân đối tài sản - trách nhiệm tại Tập đoàn và các đơn vị trong hệ thống;

Thứ ba: Đẩy nhanh tiến độ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tin học và áp dụng các phần mềm quản lý vào hoạt động kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị dịch vụ cho khách hàng;

Thứ tư: Phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở áp dụng các tiêu chuẩn trong đánh giá chất lượng công việc, đổi mới cơ chế trả lương theo hiệu quả công việc và theo mặt bằng của thị trường; luân chuyển, bố trí lao động hợp lý và tăng cường đào tạo cán bộ trong quá trình kiện toàn và đổi mới mô hình tổ chức theo nguyên tắc hiệu quả;

Thứ năm: Từng bước tập trung hóa và chuyên môn hóa trong tổ chức kinh doanh; tiếp tục thực hiện đổi mới mô hình quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế tại Tập đoàn và tại các đơn vị thành viên; đổi mới quy trình và nâng cao trình độ quản lý nghiệp vụ, quản lý rủi ro trên nền tảng phát triển của công nghệ thông tin và nhân lực được đào tạo nâng cao.

Trên đây là báo cáo về kết quả kinh doanh năm tài chính đầu tiên và kế hoạch kinh doanh năm 2009 của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt sẽ luôn chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh, kiểm soát rủi ro để vượt qua những thách thức, tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện mục tiêu Chiến lược chuyển đổi tới năm 2010 nhằm đảm bảo sự vững mạnh của Tập đoàn, gia tăng giá trị và tài sản của quý cổ đông.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phúc Lâm



▲ Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng chứng kiến Lễ ký thỏa thuận hợp tác đào tạo giữa Bảo Việt và HSBC Insurance

▲ TGD Tập đoàn Bảo Việt trao đổi với Bộ trưởng Thương mại Doanh nghiệp và Cải cách chính sách, Vương quốc Anh

▲ Phó thống đốc NHNN - Trần Minh Tuấn trao giấy phép thành lập và hoạt động BAOVIET BANK



Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt – Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Tập đoàn Bảo Việt, tiền thân là Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) được thành lập theo quyết định số 179/CP ngày 17/12/1964 của Hội đồng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15/01/1965. Khi mới thành lập, Bảo Việt có số vốn điều lệ danh nghĩa 10 triệu đồng, chỉ kinh doanh một số nghiệp vụ bảo hiểm truyền thống với khoảng 20 cán bộ, nhân viên hoạt động ở trụ sở chính tại Hà Nội và một chi nhánh tại Hải Phòng.

Đáp ứng nhu cầu của quá trình hội nhập và phát triển trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, đồng thời thực hiện chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam, ngày 29/08/2003, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 175/2003/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) thành một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu ở Việt Nam, có khả năng cung cấp đa dạng và kết hợp các dịch vụ tài chính chất lượng cao. Để thực hiện chiến lược phát triển trên, ngày 28/11/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 310/2005/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Đề án cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và thí điểm thành lập Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

Năm 2007 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, ghi ấn sự thay đổi căn bản của Bảo Việt trong việc thực hiện thành công chuyển đổi từ mô hình hoạt động của Tổng công ty 100% vốn Nhà nước sang mô hình công ty cổ phần đa sở hữu và thành lập Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Cụ thể:

Bảo Việt đã hoàn thành cổ phần hóa có sự tham gia của đối tác chiến lược là các tập đoàn kinh tế hàng đầu trong nước và nước ngoài

- Ngày 31/5/2007, Bảo Việt hoàn tất cổ phần hóa và bán cổ phần lần đầu ra công chúng.
- Ngày 13/9/2007, Tập đoàn Bảo Việt ký hợp đồng Hợp tác chiến lược với các tập đoàn kinh tế hàng đầu trong nước (Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin) và nước ngoài (Tập đoàn Bảo hiểm HSBC Insurance Asia - Pacific).

Bảo Việt đã hoàn thành bước đầu việc thành lập Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

- Ngày 4/10/2007, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Tập đoàn Bảo Việt.
- Ngày 15/10/2007, Tập đoàn Bảo Việt nhận Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103020065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/10/2007.
- Ngày 23/1/2008, Tập đoàn Bảo Việt chính thức ra mắt; đồng thời công bố thành lập các công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn: Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Trải qua hơn 40 năm phát triển, Bảo Việt luôn thể hiện được vị thế của một doanh nghiệp đi tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, không ngừng mở rộng và phát triển mạng lưới hoạt động tại các tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phát triển Bảo Việt thành một Tập đoàn tài chính - Bảo hiểm có tiềm lực tài chính mạnh, cung cấp các dịch vụ tài chính - bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư. Phát triển ổn định và bền vững trên cơ sở nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo việc bảo toàn vốn và cổ tức cho cổ đông.

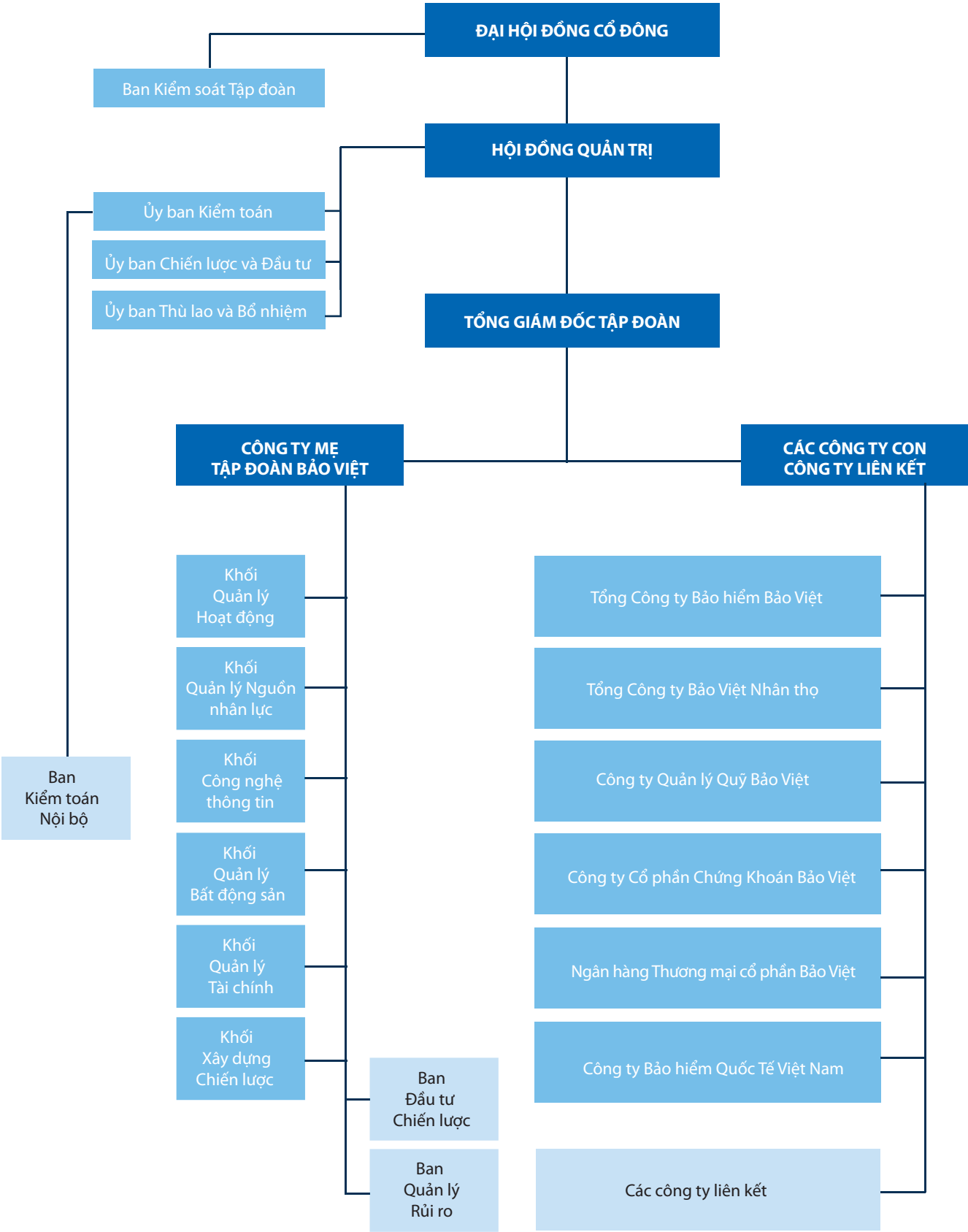
Cung cấp dịch vụ tới mọi đối tượng có nhu cầu, không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện trong hoạt động quản lý và kinh doanh, lấy khách hàng làm trung tâm và định hướng của mọi hoạt động.

Phát huy truyền thống đóng góp vào xây dựng xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.



Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt: Số 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội

MÔ HÌNH TỔ CHỨC





Từ ngày 01/7/2008, mô hình tổ chức mới đã được áp dụng tại Tập đoàn, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị (có các Ủy ban chức năng giúp việc); Ban Kiểm soát và hình thành các Khối chức năng. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Tập đoàn; các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp của các Tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước; tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt. Mô hình tổ chức này xác định cơ cấu quản trị rõ ràng, áp dụng các chuẩn mực trong quản trị điều hành,

xác định trách nhiệm và mối quan hệ của công ty mẹ và các công ty con; qua đó, việc quản trị doanh nghiệp sẽ vừa chặt chẽ, vừa đảm bảo hiệu quả cho doanh nghiệp, nhưng không mang tính mệnh lệnh hành chính. Đây là một dấu mốc quan trọng góp phần đưa Tập đoàn từng bước hòa nhập với thị trường tài chính – bảo hiểm khu vực và thế giới, nâng cao vị thế và hình ảnh của Tập đoàn, nhằm góp phần đạt mục tiêu phát triển Bảo Việt trở thành Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tập đoàn trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. HĐQT quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn và đưa ra những điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thị trường. HĐQT thông qua các vấn đề trọng tâm liên quan đến chiến lược phát triển của Tập đoàn như các vấn đề về quản trị doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng cơ bản theo định hướng phát triển của Tập đoàn, quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông tin hướng tới mô hình quản lý tập trung.

Để tiến hành hoạt động của HĐQT và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn, HĐQT xây dựng các quy chế làm việc của HĐQT, quy chế quản lý người đại diện vốn góp của Bảo Việt tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn, quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ giữ chức vụ quản lý của Tập đoàn và các quy chế khác liên quan đến vấn đề nhân sự và tiền lương của toàn Tập đoàn.

HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ngoài việc tổ chức họp định kỳ thường xuyên, HĐQT có thể triệu tập họp bất thường hoặc thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT dựa trên sự nhất trí, đồng lòng của các thành viên HĐQT và trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng những quy định của Điều lệ Tập đoàn và Luật Doanh nghiệp.

Giới thiệu Tổng quan
về Tập đoàn Bảo Việt



CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

► Từ trái sang phải

Ông **Nguyễn Đức Tuấn** – Thành viên HĐQT

Ông **Trần Hữu Tiến** – Thành viên HĐQT

Ông **Lê Quang Bình** - Chủ tịch Hội đồng Quản trị



► Từ trái sang phải

Bà **Nguyễn Thị Phúc Lâm** – Thành viên HĐQT
Ông **Trần Trọng Phúc** – Thành viên HĐQT
Ông **Nguyễn Quốc Ánh** – Thành viên HĐQT
Ông **David Fried** – Thành viên HĐQT

Giới thiệu Tổng quan về Tập đoàn Bảo Việt

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát được bầu bằng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo phương thức bầu dồn phiếu với số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định từ 3 đến 5 người.

Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ban Kiểm soát hoạt động một cách độc lập với HĐQT và Tổng Giám đốc, thực hiện việc thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tập đoàn, xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và báo cáo của Tập đoàn về các hệ thống kiểm soát nội bộ, đồng thời đề xuất lên Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông về tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát họp tối thiểu hai lần một năm và phải có ít nhất ba phần tư thành viên tham gia cho một cuộc họp của Ban Kiểm soát.



CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

► Từ trái sang phải

Ông Trần Minh Thái - Thành viên
Bà Marjory Miller - Thành viên
Ông Nguyễn Trung Thực - Trưởng Ban
Ông Lê Văn Chí - Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thụy - Thành viên

CÁC ỦY BAN CHỨC NĂNG

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban Kiểm toán là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc đảm bảo có được một hệ thống hiệu quả về kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài, bao gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. Ủy ban Kiểm toán chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước khi trình HĐQT; kiểm tra, giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ và sự hợp tác giữa Ban Kiểm toán nội bộ với tổ chức kiểm toán độc lập; xem xét, đánh giá thực trạng quy chế tài chính và kế toán của Tập đoàn; giám sát tính độc lập, khách quan và yêu cầu của tổ chức kiểm toán độc lập và các hoạt động khác được quy định tại Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban.

Ủy ban Kiểm toán có năm ủy viên. Các ủy viên của Ủy ban Kiểm toán do HĐQT bổ nhiệm theo từng nhiệm kỳ phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT và không được bổ nhiệm tham gia Ủy ban Kiểm toán quá 3 nhiệm kỳ.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng hoạch định chiến lược phát triển, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược kinh doanh và đề xuất thay đổi về chiến lược kinh doanh của toàn Tập đoàn; thúc đẩy việc thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển của Tập đoàn; hoạch định chiến lược đầu tư, xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư ngắn, trung và dài hạn; nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư có từ ba đến năm ủy viên. Các ủy viên của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư sẽ do HĐQT bổ nhiệm cho từng nhiệm kỳ phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc hoạch định, thúc đẩy và đánh giá việc thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Tập đoàn; nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các đề xuất của của Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên các công ty con do Tập đoàn đầu tư 100% vốn điều lệ, Chủ nhiệm các Ủy ban thuộc HĐQT và các cán bộ quản lý để kiến nghị HĐQT xem xét phê duyệt về những vấn đề cơ bản trong mô hình quản trị doanh nghiệp, công tác quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn và các công ty con do Tập đoàn đầu tư 100% vốn; xây dựng và thực hiện các chính sách quản lý liên quan đến công tác tổ chức cán bộ của Tập đoàn.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm có từ ba đến năm ủy viên. Các ủy viên của Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

Giới thiệu Tổng quan về Tập đoàn Bảo Việt

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt; quyết định các công việc theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được quy định trong Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT.

Song song với việc hình thành các Ủy ban giúp việc thuộc HĐQT, mô hình tổ chức được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các Khối chức năng.

KHOẢNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG: Có chức năng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, giám sát việc thực thi các chiến lược, chính sách, quy trình và kế hoạch hàng năm liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao bao gồm: công tác quản lý hoạt động kinh doanh; công tác thư ký tổng hợp, văn thư, lưu trữ, hành chính lễ tân, quản trị tài sản, pháp chế và tuân thủ, quan hệ hợp tác quốc tế và thi đua khen thưởng; hoạt động truyền thông, marketing, thương hiệu và quan hệ với cổ đông; công tác Đảng – Đoàn thể. Lãnh đạo Khối là Giám đốc Hoạt động.

KHOẢNG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC: Có chức năng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, giám sát việc thực thi các chiến lược, chính sách, quy trình và kế hoạch hàng năm liên quan đến hoạt động tuyển dụng, thu hút, duy trì, phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao, bao gồm: công tác hoạch định chiến lược, chính sách về nhân sự; công tác phát triển tổ chức; công tác tuyển dụng; chính sách lương thưởng, phúc lợi; công tác Quản lý và sử dụng lao động; công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Lãnh đạo Khối là Giám đốc Nguồn nhân lực.

KHOẢNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN: Có chức năng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, giám sát việc thực thi các chiến lược, chính sách, quy trình, kế hoạch hàng năm, triển khai phát triển hệ thống công nghệ thông tin của Tập đoàn. Lãnh đạo Khối là Giám đốc Công nghệ thông tin.

KHOẢNG QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN: Có chức năng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, giám sát việc thực thi các chiến lược, chính sách, quy trình và kế hoạch hàng năm liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, kinh doanh, quản lý và khai thác các bất động sản của Tập đoàn trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao bao gồm: công tác xây dựng cơ bản; công tác quản lý và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình; công tác quản lý, khai thác và kinh doanh bất động sản. Lãnh đạo Khối là Giám đốc Bất động sản.

KHOẢNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH: Có chức năng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, giám sát việc thực thi các chiến lược, chính sách, quy trình và kế hoạch hàng năm liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán, thống kê, phân tích hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao bao gồm: công tác xây dựng chiến lược tài chính; công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính; công tác thống kê, phân tích và thông tin kinh tế; công tác tài chính, thuế; công tác kế toán, báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập; công tác hỗ trợ, phát triển và kiểm soát về tài chính, kế toán, chiến lược, kế hoạch, thống kê trong các lĩnh vực trên. Lãnh đạo Khối là Giám đốc Tài chính.

KHOẢNG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC: Có chức năng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, giám sát việc thực thi các chiến lược, chính sách, quy trình và kế hoạch hàng năm liên quan đến hoạt động xây dựng chiến lược, phát triển thị trường, quản lý các dự án phát triển kinh doanh của Tập đoàn trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao bao gồm: công tác xây dựng chiến lược kinh doanh; công tác nghiên cứu, phát triển, mở rộng thị trường mới và lĩnh vực kinh doanh mới; quản lý các dự án phát triển kinh doanh. Lãnh đạo Khối là Giám đốc Xây dựng chiến lược.

Việc hình thành các Khối chức năng đã tạo ra những ưu việt rõ ràng trong khâu quản lý, điều hành, cụ thể: đáp ứng được các chuẩn mực về quản trị doanh nghiệp tiên tiến; tổ chức bộ máy mang tính năng động cao, có thể được điều chỉnh tùy theo từng thời kỳ cho phù hợp với việc quản lý kinh doanh; giúp Lãnh đạo Tập đoàn thực hiện việc quản trị doanh nghiệp theo hướng tập trung; tạo lập được tính chuyên môn hóa cao; quá trình ra các quyết định được kịp thời, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động và kinh doanh của Tập đoàn. Việc xác định nhiệm vụ cụ thể của các Khối chức năng là cơ sở để xây dựng bản mô tả công việc đối với từng chức danh công việc và xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp nhằm thu hút nhân sự có năng lực, góp phần vào quá trình đổi mới và góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của Tập đoàn.

► Từ trái sang phải

Ông **Alan Royal** - Giám đốc Công nghệ thông tin
Ông **Dương Đức Chuyển** - Giám đốc Xây dựng chiến lược
Ông **Phạm Khắc Dũng** - Giám đốc Hoạt động
Bà **Nguyễn Thị Phúc Lâm** - Tổng Giám đốc Tập đoàn
Ông **Lưu Thanh Tâm** - Giám đốc Bất động sản
Ông **Lê Hải Phong** - Giám đốc Tài chính
Ông **Phan Tiến Nguyên** - Giám đốc Nguồn nhân lực



CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Giới thiệu Tổng quan
về Tập đoàn Bảo Việt

ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng, Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh cùng các quan khách tham dự Lễ ký kết Hợp đồng và công bố nhà đầu tư chiến lược của Bảo Việt

Ngày 13/9/2007, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và các đối tác chiến lược – Tập đoàn HSBC Insurance (Asia - Pacific) và Tập đoàn Công nghiệp và Tàu Thủy Việt Nam - Vinashin đã ký kết Hợp đồng Hợp tác chiến lược đánh dấu sự hoàn tất quá trình cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

TẬP ĐOÀN HSBC INSURANCE (ASIA - PACIFIC)

Tập đoàn HSBC Insurance (Asia - Pacific) có trụ sở tại Hong Kong, là Công ty con 100% vốn trực thuộc Tập đoàn Ngân hàng Hong Kong và Thượng Hải; HSBC Insurance (Asia - Pacific) là Công ty mẹ của 4 Công ty bảo hiểm gồm: Công ty Bảo hiểm HSBC (Asia), Công ty Bảo hiểm nhân thọ HSBC (International), Công ty Bảo hiểm HSBC (Singapore) và Công ty Bảo hiểm Amanah Takaful (Malaysia).

Tập đoàn HSBC Insurance (Asia - Pacific) là một tổ chức dịch vụ tài chính cung cấp cho khách hàng sự đảm bảo, tin tưởng và thuận tiện về dịch vụ bảo hiểm. Tập đoàn có các trụ sở tại Hong Kong, Macau, Singapore và Malaysia. Tại Trung Quốc, Tập đoàn HSBC Insurance có các Văn phòng đại diện tại Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu.

Năm 2006, Tập đoàn Bảo hiểm HSBC nhận được giải thưởng “Công ty bảo hiểm nhân thọ của năm” và “Nhà môi giới bảo hiểm của năm” cho những thành quả và đóng góp tuyệt vời của mình ở Châu Á, do Tạp chí Bảo hiểm Châu Á, một tạp chí thương mại hàng đầu trao tặng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VIỆT NAM

Vinashin được thành lập theo Quyết định số 69/TTg do Thủ tướng Chính phủ ký và ban hành ngày 31/1/1996 trên cơ sở tổ chức lại ngành công nghiệp tàu thủy Việt Nam - một ngành đã có truyền thống rất lâu đời ở Việt Nam.

Vinashin được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, bao gồm hơn 300 đơn vị thành viên nằm trên khắp đất nước, trong đó có các tổng công ty về công nghiệp nặng (sản xuất thép, điện, điện tử); các tổng công ty đầu tư, xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng; các tổng công ty về đóng mới và sửa chữa tàu thủy; các tổng công ty về vận tải, cụm cảng...

Với cơ sở vật chất cùng đội ngũ kỹ sư và công nhân kỹ thuật bậc cao, Vinashin đã và đang cung cấp cho khách hàng trong và ngoài nước các sản phẩm đóng mới và sửa chữa với tính năng kỹ thuật và chất lượng cao, phần nào đáp ứng được các nhu cầu của các ngành kinh tế trong nước và xuất khẩu.



Tháng 9/2007, HSBC Insurance thỏa thuận mua 10% cổ phần của Bảo Việt. Đây là một mốc quan trọng đối với Tập đoàn Bảo Việt và HSBC Insurance, đánh dấu sự khởi đầu cho một mối quan hệ lâu dài và vững chắc giữa hai tổ chức.

HSBC Insurance là một công ty lớn, thành công và đang trên đà phát triển thuộc Tập đoàn HSBC với lĩnh vực hoạt động ưu tiên là kinh doanh bảo hiểm. Năm 2008, hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên toàn cầu tạo ra khối lượng phí bảo hiểm hàng năm là 19,9 tỷ đô la Mỹ và 2,6 tỷ đô la Mỹ lợi nhuận trước thuế. HSBC Insurance có hơn 9.000 nhân viên phục vụ hơn 20 triệu khách hàng tại hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ. Với nhiều sản phẩm bảo hiểm có liên kết với các sản phẩm ngân hàng, HSBC Insurance được hưởng lợi từ khả năng tiếp cận cơ sở dữ liệu khách hàng của Tập đoàn bao gồm hơn 100 triệu khách hàng và công ty.

HSBC Insurance tin tưởng vào sự thành công của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty thành viên trong tương lai. HSBC Insurance cam kết phục vụ cho sự phát triển của kinh tế Việt Nam, một nền kinh tế mà ngành bảo hiểm đóng vai trò quan trọng. Việc đầu tư vào Việt Nam cũng cùng hướng với chiến lược của HSBC là tập trung vào các thị trường có sức tăng trưởng cao và hỗ trợ cho sự có mặt của HSBC trong lĩnh vực ngân hàng tại đây.

HSBC Insurance tự hào về chiến lược đầu tư cũng như mối liên kết với Tập đoàn Bảo Việt và hy vọng sẽ tiếp tục tiến xa hơn nữa dựa trên quá trình phát triển lâu dài của Bảo Việt, với mạng lưới hoạt động ở khắp các tỉnh trong cả nước.

Trong vòng 15 tháng qua, HSBC Insurance đã phối hợp chặt chẽ với Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện Thỏa thuận Hỗ trợ Kỹ thuật và Chuyển giao Năng lực. HSBC Insurance rất vui mừng với những kết quả đạt được cho tới thời điểm hiện nay và nhận thấy rằng thành công này cần được duy trì nữa vì thị trường ngày càng mở rộng và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Đã hơn một năm kể từ khi ký hợp tác đầu tư, HSBC Insurance hy vọng về tương lai với một lòng tin vững chắc. Trong năm 2009, mục tiêu của chúng tôi là củng cố mối quan hệ đối tác và giúp Bảo Việt phát triển thành tập đoàn tài chính – bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.



HSBC  Insurance

► **Ông David Fried**
Chủ tịch HSBC Insurance
(Asia - Pacific).



Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

GIỚI THIỆU

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100 % vốn điều lệ (1.000 tỷ đồng). Bảo hiểm Bảo Việt có kinh nghiệm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ lâu năm, với mạng lưới 66 công ty thành viên tại tất cả các tỉnh, thành trên toàn quốc; với 400 phòng phục vụ khách hàng trên khắp cả nước, và hơn 2.800 nhân viên tận tâm, chuyên nghiệp và am hiểu sâu sắc thị trường nội địa; cùng với hơn 10.000 đại lý bảo hiểm. Bảo hiểm Bảo Việt đã trở thành thương hiệu bảo hiểm uy tín nhất đối với các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tại Việt Nam.

“Trách nhiệm với Cam kết” là phương châm mà Bảo hiểm Bảo Việt đã, đang và sẽ thực hiện xuyên suốt quá trình hoạt động và phát triển của mình. Sứ mệnh của Bảo hiểm Bảo Việt là tiếp tục khẳng định thương hiệu doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu, tin cậy, gần gũi và thân thiết nhất đối với mọi khách hàng bằng các sản phẩm đa dạng có giá trị gia tăng cao như: Bảo hiểm con người (bảo hiểm sức khỏe, y tế, tai nạn, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm du lịch trong nước và quốc tế); Bảo hiểm tài sản (bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm gián đoạn kinh doanh, bảo hiểm trộm cắp, bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm vật chất xe ô tô); Bảo hiểm trách nhiệm (bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm công cộng)...

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT**

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Bảo hiểm Bảo Việt**

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **BAOVIET INSURANCE CORPORATION**

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **BAOVIET INSURANCE**

Trụ sở chính : Số 35, phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiễn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 38 26 26 14 / 38 26 27 74 Fax: (84-4) 38 25 71 88

Website : www.baoviet.com.vn

Email : bvvn@baoviet.com.vn



Năm 2008, Bảo hiểm Bảo Việt duy trì tốc độ tăng trưởng cao, giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường

▲ Bảo hiểm Bảo Việt ký hợp đồng bảo hiểm với Vinashin

▲ Bảo hiểm Bảo Việt ký hợp tác, phát triển kênh phân phối sản phẩm với Techcombank



Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt – Ông Trần Trọng Phúc

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT



Tòa nhà trụ sở Tổng Công ty
Bảo Hiểm Bảo Việt

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Kinh doanh các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ;
- Nhận và nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ;
- Giám định tổn thất;
- Đầu tư tài chính;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2008

Năm 2008, Bảo hiểm Bảo Việt hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh. Tổng doanh thu đạt 3.971 tỷ đồng (vượt 12,3% kế hoạch và tăng trưởng 28,3% so với năm 2007). Trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 3.661 tỷ đồng (vượt 11,5% kế hoạch, tăng trưởng 25,8%), chiếm 30,5% thị phần bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam. Doanh thu nhận tái bảo hiểm đạt 155 tỷ đồng (tương đương với 92,9% kế hoạch). Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm đạt 143 tỷ đồng (bằng 96% so với cùng kỳ năm 2007). Doanh thu đầu tư tài chính đạt 306 tỷ đồng (vượt 56,5% so với kế hoạch, tăng trưởng 66,2% so với năm trước). Tổng lợi nhuận trước thuế đạt trên 180 tỷ đồng.

Bảo hiểm Bảo Việt đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao và giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường trong các nghiệp vụ lớn như bảo hiểm xe cơ giới (tăng trưởng 26,6%), bảo hiểm con người (tăng

trưởng 12%). Bảo hiểm Bảo Việt cũng đi đầu trong bảo hiểm chi phí y tế và sức khỏe mức trách nhiệm cao. Các nghiệp vụ khác cũng đạt được tăng trưởng cao như bảo hiểm hàng hóa (27,2%), tàu thủy (25,5%), hàng không (25%).

Thực hiện chiến lược phát triển bền vững và đáp ứng tiêu chuẩn cao về cẩn trọng trong kinh doanh bảo hiểm, năm 2008 Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện việc trích lập dự phòng phí là 1.148 tỷ đồng; dự phòng bồi thường 894 tỷ đồng; dự phòng dao động lớn đạt 95 tỷ đồng.

Bảo hiểm Bảo Việt không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, điển hình là việc kịp thời giải quyết bồi thường thiệt hại tài sản trong cơn lũ lịch sử tại Hà Nội. Bảo hiểm Bảo Việt luôn là người đồng hành tin cậy của khách hàng, tư vấn cho khách hàng các biện pháp quản lý rủi ro và đề phòng, hạn chế tổn thất với hiệu quả cao.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Nhằm ứng phó với những thách thức và cạnh tranh trong thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt định hướng phát triển chú trọng vào các mục tiêu hiệu quả kinh doanh, đổi mới về quản lý hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Bảo hiểm Bảo Việt hướng tới áp dụng phần mềm quản lý bảo hiểm trong toàn hệ thống. Song song với việc đẩy mạnh các kênh phân phối

truyền thống, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục tập trung vào phát triển các kênh phân phối mới như Bancassurance, bán hàng qua điện thoại và nghiên cứu ứng dụng thương mại điện tử. Bảo hiểm Bảo Việt cũng chú trọng tăng cường kiểm soát rủi ro, định phí trong hoạt động bảo hiểm, đồng thời cải tiến và tăng cường quản lý việc tuân thủ các quy trình kinh doanh trong toàn hệ thống.

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT



Từ trái sang phải

Ông **Nguyễn Kim Phú** - Phó Tổng Giám đốc

Ông **Trần Trọng Phúc** - Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Xuân Thủy** - Phó Tổng Giám đốc

Ông **Bùi Gia Anh** - Phó Tổng Giám đốc

CÁC THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CỦA TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT
(Đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VNĐ

Nội dung	31/12/2008	31/12/2007
TÀI SẢN		
I. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	1.702.069.136.845	1.507.837.507.796
1. Tiền	77.844.982.050	299.953.761.773
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	345.420.466.667	25.000.000.000
3. Các khoản phải thu	1.248.793.585.529	1.149.551.450.787
4. Tài sản lưu động khác	30.010.102.599	33.332.295.236
II. Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn	2.360.037.755.532	2.102.403.494.168
1. Tài sản cố định	441.070.110.625	466.063.225.646
- Nguyên giá	643.155.702.976	676.652.584.439
- Khấu hao lũy kế	(232.085.592.351)	(210.589.358.793)
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.896.873.548.563	1.594.339.753.692
3. Ký quỹ	9.084.198.752	3.437.632.893
4. Tài sản khác	43.009.897.592	38.562.881.937
III. Tổng tài sản	4.062.106.892.377	3.610.241.001.964
CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
IV. Công nợ	3.047.392.845.609	2.514.791.277.927
1. Nợ ngắn hạn	904.861.875.146	667.651.900.348
2. Nợ dài hạn	4.199.189.230	3.205.338.297
3. Nợ khác	-	-
4. Dự phòng nghiệp vụ	2.138.331.781.233	1.843.934.039.282
V. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.014.714.046.768	1.095.449.724.037
1. Nguồn vốn kinh doanh	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Các quỹ	14.714.046.768	95.449.724.037
3. Lợi nhuận chưa phân phối	-	-
4. Nguồn vốn khác	-	-
VI. Tổng công nợ và vốn chủ sở hữu	4.062.106.892.377	3.610.241.001.964

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	2008	2007
1. Tổng doanh thu	3.971.797.768.726	3.096.024.479.551
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.661.797.365.212	2.909.528.702.042
Doanh thu về hoạt động tài chính	306.213.080.945	184.291.943.614
Doanh thu khác	3.787.322.569	2.203.833.895
2. Phí tái bảo hiểm và các khoản giảm trừ doanh thu	(1.091.965.640.582)	(881.917.458.984)
3. Doanh thu thuần	2.879.832.128.144	2.214.107.020.567
4. Tổng chi phí	2.699.221.947.217	2.016.959.632.272
Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.916.979.094.236	1.329.851.847.164
Chi phí hoạt động tài chính	141.842.045.519	38.938.925.027
Chi phí quản lý doanh nghiệp	639.919.691.840	647.947.008.624
Chi phí khác	481.115.622	221.851.457
5. Lợi nhuận trước thuế	180.610.180.927	197.147.388.295
6. Thuế thu nhập phải nộp	49.345.528.586	46.677.912.350
7. Lợi nhuận sau thuế	131.264.652.341	150.469.475.945

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

GIỚI THIỆU

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ) là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100 % vốn điều lệ (1.500 tỷ đồng). Bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 1996, Bảo Việt Nhân thọ là doanh nghiệp đầu tiên triển khai nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam và đến nay vẫn là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ duy nhất có vốn đầu tư trong nước. Sau 12 năm hoạt động, Bảo Việt Nhân thọ đã phát triển lớn mạnh với mạng lưới 60 công ty thành viên tại 60 tỉnh, thành trên toàn quốc; với hơn 1.800 nhân viên và hơn 15.300 tư vấn viên trẻ, năng động và tràn đầy nhiệt huyết. Với tổng doanh thu phí bảo hiểm là 1 tỷ đồng và 1.352 hợp đồng năm 1996, đến năm 2008 tổng doanh thu phí bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ đã đạt 3.402 tỷ đồng với tổng số hợp đồng có hiệu lực là 1.561.000 hợp đồng. Tổng số tiền đã chi trả cho khách hàng sau 12 năm lên đến 7.000 tỷ đồng, trong đó đã chi trả cho 500.000 trường hợp đáo hạn và 20.000 trường hợp rủi ro. Bảo Việt Nhân thọ hiện đứng thứ hai thị trường với thị phần là 33,13%.

“Bảo đảm lợi ích Việt” - Đó là sứ mệnh và mục tiêu phấn đấu của toàn thể cán bộ, nhân viên và tư vấn viên Bảo Việt Nhân thọ. Bảo Việt Nhân thọ luôn tích cực tìm tòi, phát triển những sản phẩm mới và không ngừng hoàn thiện các chính sách dịch vụ khách hàng nhằm đem đến cho khách hàng những sản phẩm bảo hiểm nhân thọ ưu việt và chương trình chăm sóc, phục vụ khách hàng hoàn hảo. Đến nay đã có trên 50 sản phẩm (bao gồm cả sản phẩm chính và điều khoản riêng) trong giỏ sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, trong đó có nhiều sản phẩm với những lợi ích vượt trội được khách hàng đặc biệt ưa chuộng.

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ**

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Bảo Việt Nhân thọ**

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **BAOVIET LIFE CORPORATION**

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **BAOVIET LIFE**

Trụ sở chính : Tầng 6, toà nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 62 51 77 77 Fax: (84-4) 35 77 09 58

Website : www.baovietnhantho.com.vn

Email : bvlife@bvlife.com.vn



▲ BVNT dành sự quan tâm đặc biệt cho công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em

▲ BVNT luôn coi trọng đội ngũ tư vấn viên

▲ Hợp tác với Ngân hàng SCB đưa ra các sản phẩm mới



Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ – Ông Nguyễn Đức Tuấn

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Ảnh Tòa nhà Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ - SCIC



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- **Kinh doanh các loại hình bảo hiểm nhân thọ:** Bảo hiểm trọn đời, Bảo hiểm sinh kỳ, Bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo hiểm trả tiền định kỳ, Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người hỗ trợ cho bảo hiểm nhân thọ, Các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác.
- **Kinh doanh tái bảo hiểm:** Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.
- **Quản lý quỹ và tiến hành hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực:** Mua trái phiếu Chính phủ, Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, Kinh doanh bất động sản, Góp vốn vào các doanh nghiệp khác, Cho vay theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2008

Năm 2008 đánh dấu một bước ngoặt mới cho quá trình phát triển của Bảo Việt Nhân thọ. Song song với việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, toàn hệ thống Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện một loạt các giải pháp đổi mới trên tất cả mọi mặt hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu hoàn thiện và xây dựng một Bảo Việt Nhân thọ năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả và tiên tiến. Đây là những bước tiến mới, đặt nền móng cho một giai đoạn phát triển lâu dài và bền vững hơn cho Bảo Việt Nhân thọ trong tương lai.

Năm 2008 tổng doanh thu của Bảo Việt Nhân thọ đạt 4.928 tỷ đồng (tăng trưởng 12% so với năm 2007). Trong đó doanh thu phí bảo hiểm đạt

3.402 tỷ đồng (tăng trưởng 4% so với năm trước). Doanh thu khai thác mới đạt 510 tỷ đồng và doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 1.526 tỷ đồng (tăng trưởng 37%). Lợi nhuận trước thuế đạt 127 tỷ đồng. Bảo Việt Nhân thọ hiện đứng thứ hai thị trường với thị phần 33,13% và 1.561.000 hợp đồng có hiệu lực.

Trong năm 2008, tổng số hợp đồng được chi trả quyền lợi bảo hiểm là 136.016 hợp đồng, trong đó có 125.017 hợp đồng được nhận tiền đáo hạn và 10.999 trường hợp trả tiền bảo hiểm cho các rủi ro. Tổng số tiền chi trả quyền lợi trong năm 2008 trên 2.045 tỷ đồng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Để nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo mang đến sự hài lòng, lợi ích cao nhất cho khách hàng, Bảo Việt Nhân thọ định hướng phát triển các dòng sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và các sản phẩm hỗ trợ ưu việt. Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ tập trung phát triển kênh phân phối Bancassurance để đón đầu xu hướng phát triển kênh phân phối trong tương lai.

Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục đổi mới, hoàn thiện mọi mặt hoạt động, từ công tác nhân sự, phát triển kinh doanh, đại lý đến công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ khách hàng và chăm sóc khách hàng để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng và đem đến cho khách hàng sự phục vụ tận tình,

chuyên nghiệp và hoàn hảo. Đặc biệt năm 2009, Bảo Việt Nhân thọ sẽ ứng dụng thành công mô hình quản lý tập trung và các giải pháp công nghệ thông tin mới trong công tác quản lý nhằm giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tiếp nhận và ứng dụng một cách hiệu quả, phù hợp các kinh nghiệm và năng lực được chuyển giao từ đối tác chiến lược HSBC Insurance để tăng cường hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của Bảo Việt Nhân thọ trên thị trường.

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ



Từ trái sang phải

Ông **Nguyễn Đức Tuấn** - Tổng Giám đốc
Bà **Nguyễn Thị Lâm Hồng** - Phó Tổng Giám đốc
Ông **Đặng Ngọc Thanh** - Phó Tổng Giám đốc
Ông **Nguyễn Thành Quang** - Phó Tổng Giám đốc
Ông **Nguyễn Quang Tâm** - Phó Tổng Giám đốc

CÁC THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CỦA TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ
(Đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	31/12/2008	31/12/2007
TÀI SẢN		
I. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	1.015.750.810.335	938.493.355.161
1. Tiền	248.440.040.430	221.720.367.919
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	901.249.000	1.928.976.200
3. Các khoản phải thu	704.717.428.559	694.154.859.079
Hàng tồn kho	13.992.264.274	12.729.696.973
4. Tài sản lưu động khác	47.699.828.072	7.959.454.990
II. Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn	14.156.356.304.378	13.455.361.460.148
1. Tài sản cố định	462.675.018.256	450.469.168.668
- Nguyên giá	664.544.468.240	624.506.934.094
- Khấu hao lũy kế	(201.869.449.984)	(174.037.765.426)
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.693.681.286.122	13.004.892.291.480
III. Tài sản dài hạn khác	19.771.121.852	14.321.608.848
Tổng tài sản	15.191.878.236.565	14.408.176.424.157
CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
IV. Công nợ	13.674.985.253.870	12.842.717.594.369
1. Nợ ngắn hạn	351.179.532.469	347.249.882.190
3. Nợ khác	21.643.959.320	18.882.126.012
4. Dự phòng nghiệp vụ	13.302.161.762.081	12.476.585.586.167
V. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.516.892.982.695	1.565.458.829.788
1. Nguồn vốn kinh doanh	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	9.290.686.469	2.435.642.279
3. Nguồn vốn khác	7.602.296.226	63.023.187.509
VI. Tổng công nợ và vốn chủ sở hữu	15.191.878.236.565	14.408.176.424.157

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
1. Tổng doanh thu	4.928.467.637.270	4.390.125.701.844
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	3.401.885.444.355	3.273.885.759.925
Doanh thu về hoạt động tài chính	1.523.791.915.071	1.115.133.892.949
Doanh thu khác	2.790.277.844	1.106.048.970
2. Tổng chi phí	4.801.226.068.004	4.085.036.766.684
Chi phí từ hoạt động bảo hiểm	2.894.411.483.345	2.817.627.626.693
Chi phí hoạt động tài chính	1.410.861.531.211	920.526.136.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	495.815.219.022	346.856.150.507
Chi phí khác	137.834.426	26.853.056
3. Lợi nhuận trước thuế	127.241.569.266	305.089.868.636
4. Thuế thu nhập phải nộp	-	70.552.511.696
5. Lợi nhuận sau thuế	125.969.153.573	234.537.356.940

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

GIỚI THIỆU

Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ (50 tỷ đồng). Với tiền thân là Trung tâm Đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt, được thành lập theo Giấy phép số 05/UBCK-GPHĐQLQ ban hành ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán cho nhiều công ty bảo hiểm lớn cũng như các công ty có nhu cầu đầu tư tài chính trên thị trường.

Với kinh nghiệm gần 15 năm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý đầu tư các nguồn vốn lớn và dài hạn, với đội ngũ nhân sự thường xuyên được củng cố, hoàn thiện, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt hiện đã khẳng định được vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam. Điều đó đã được khẳng định khi tổng tài sản do Công ty quản lý liên tục tăng trưởng ổn định, đến nay đã đạt 14.500 tỷ đồng và là 1 trong 2 công ty quản lý quỹ có tổng tài sản quản lý lớn nhất Việt Nam, trong đó số vốn ủy thác của các khách hàng bên ngoài ngày càng được nâng cao.

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
Tên giao dịch bằng tiếng Việt:	Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:	BAOVIET FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY
Tên giao dịch bằng tiếng Anh:	BAOVIET FUND
Trụ sở chính	: Tầng 5, toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội
Điện thoại	: (84-4) 39 28 95 89 Fax: (84-4) 39 28 95 90
Website	: www.baovietfund.com.vn
Email	: bvfmc@baoviet.com.vn

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- DỊCH VỤ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ:** Được thiết kế dành cho các tổ chức và cá nhân có lượng vốn nhàn rỗi lớn, theo đó Công ty sẽ thay mặt nhà đầu tư thực hiện đầu tư trên thị trường tài chính.
- Quản lý danh mục đầu tư ủy quyền toàn bộ**
 Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt được ủy quyền toàn bộ thực hiện đầu tư;
 Tối đa hóa lợi nhuận trong mức độ rủi ro chấp nhận của từng khách hàng;
 Đối tượng khách hàng: Nhà đầu tư tổ chức có vốn nhàn rỗi lớn, có nhu cầu đầu tư trung và dài hạn;
 Các danh mục đầu tư: Danh mục tăng trưởng, danh mục cân bằng, danh mục đầu tư lãi suất cố định.
- Quản lý danh mục đầu tư theo chỉ định**
 Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt thực hiện đầu tư theo chỉ định của khách hàng;
 Đối tượng khách hàng: Nhà đầu tư yêu cầu tự chủ động trong đầu tư;
 Các sản phẩm đầu tư: đầu giá IPO và ủy thác đầu tư cổ phiếu, trái phiếu.
- DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ:** Dành cho các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân có chung mục tiêu đầu tư trong trung và dài hạn. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt thành lập, huy động và quản lý quỹ thành viên, quỹ công chúng. Các nhà đầu tư tham gia dưới hình thức mua và sở hữu một phần trong tổng danh mục đầu tư của quỹ. Việc nắm giữ này được thể hiện thông qua việc sở hữu các chứng chỉ quỹ đầu tư. Ngoài ra, nhằm thiết lập danh mục đầu tư vừa đảm bảo theo các cam kết hạn chế đầu tư đồng thời đáp ứng yêu cầu thanh khoản cho các khách hàng, Công ty sẽ phối hợp với khách hàng trong việc quản lý dòng tiền hiệu quả nhất.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2008

Năm 2008 Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã kịp thời đưa ra các chiến lược đầu tư đúng đắn, hợp lý và đúng thời điểm, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan, tuân thủ được các cam kết với khách hàng với mức lãi suất đầu tư bình quân vượt kế hoạch và vượt mức lãi suất kỳ vọng của khách hàng. Doanh thu thuần của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 41,7 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 23,9 tỷ đồng. Đạt được kết quả tổng thể như vậy, từng mảng nghiệp vụ, hoạt động của Công ty đã có những cải thiện rất mạnh mẽ cụ thể:

Nghệp vụ đầu tư lãi suất cố định: Công tác quản lý dòng tiền đã được cân đối chủ động hơn, khớp với yêu cầu thanh khoản của khách hàng, nâng cao hiệu quả đầu tư; vốn đầu tư bình quân nhàn rỗi trên tài khoản giảm trên 50% so với 2007; lãi suất bình quân của các khoản đầu tư mới cao hơn so với lãi suất bình quân cùng kỳ hạn của thị trường từ 1,7-3,5%.

Nghệp vụ đầu tư cổ phiếu: Với các biến động của thị trường chứng khoán, bên cạnh việc bám sát chặt chẽ diễn biến thị trường, chỉ thực hiện đầu tư vào các cổ phiếu được xác định có khả năng trụ vững và bật mạnh khi nền kinh tế ổn định, trong năm 2008 Công ty đã thực hiện tái cơ cấu danh mục cổ phiếu, tạo tiền đề ổn định cho danh mục dài hạn và nâng cao hiệu quả đầu tư khi các khoản vốn thu từ thanh khoản cổ phiếu được chuyển sang đầu tư các công cụ lãi suất cố định.

Các hoạt động khác: Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã tập trung hoàn chỉnh mô hình cơ cấu tổ chức, xây dựng các quy trình đầu tư, quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình phối hợp giữa các bộ phận, thiết lập thêm các nhóm để đảm bảo hoạt động đầu tư được chặt chẽ, thông suốt và minh bạch. Hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm đã được đẩy mạnh, Công ty đã bước đầu mở rộng khách hàng mới ngoài Bảo Việt.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Nhằm tiếp tục phát huy các thế mạnh, kịp thời bám sát với những thay đổi của thị trường tài chính, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt định hướng phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, hoàn thiện mô hình tổ chức chuyên nghiệp, phát triển quỹ mới và chú trọng mở rộng đối tượng khách hàng ra ngoài Bảo Việt.

Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt hoạt động với các nguyên tắc đầu tư an toàn, hiệu quả, tăng trưởng bền vững, tăng cường công tác quản lý rủi ro đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, kiên định thực hiện phương châm **“Giúp bạn trở thành nhà đầu tư chuyên nghiệp”**.



LÃNH ĐẠO CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

- ▶ Ông **Bùi Tuấn Trung** - Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (Thứ 3 hàng thứ nhất - Trái qua phải)
- ▶ Ông **Đậu Minh Lâm** - Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (Thứ 2 hàng thứ nhất - Trái qua phải)

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	31/12/2008	31/12/2007
I. Tài sản ngắn hạn	77.670.248.196	64.258.532.612
1. Tiền và tương đương tiền	3.295.622.084	1.785.980.698
2. Đầu tư ngắn hạn	64.346.749.000	54.441.689.600
3. Các khoản phải thu	9.899.240.195	7.947.058.277
4. Tài sản ngắn hạn khác	128.636.917	83.804.037
II. Tài sản dài hạn	6.073.953.505	12.190.418.227
1. Tài sản cố định	2.489.140.921	3.103.473.153
- TSCĐ hữu hình	1.685.310.011	1.817.013.059
- TSCĐ thuê tài chính	-	-
- TSCĐ vô hình	803.830.910	1.286.460.094
2. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000	8.254.500.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	584.812.584	832.445.074
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	83.744.201.701	76.448.950.839
IV. Nợ phải trả	32.490.859.130	47.788.423.839
1. Nợ ngắn hạn	32.486.233.680	47.783.798.389
2. Nợ dài hạn	4.625.450	4.625.450
VI. Nguồn vốn chủ sở hữu	51.253.342.571	28.660.527.000
1. Nguồn vốn	50.000.000.000	25.000.000.000
- Nguồn vốn kinh doanh	50.000.000.000	25.000.000.000
2. Quỹ	1.253.342.571	3.660.527.000
VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	83.744.201.701	76.448.950.839

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	2008	2007
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	41.798.265.255	39.156.954.057
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần	41.798.265.255	39.156.954.057
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	(40.399.449)	(35.770.903)
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	41.757.865.806	39.121.183.154
6. Doanh thu hoạt động tài chính	9.117.377.829	6.845.920.448
7. Chi phí tài chính	(3.374.670.600)	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(23.555.621.124)	(12.857.108.678)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.944.951.911	33.109.994.924
10. Thu nhập khác	78.750.000	446.800
11. Chi phí khác	(44.726.275)	
12. Lợi nhuận khác	34.023.725	446.800
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.978.975.636	33.110.441.724
14. Thuế TNDN phải nộp	(1.850.914.671)	
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.128.060.965	33.110.441.724



Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

GIỚI THIỆU

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và chính thức hoạt động kể từ ngày 26/11/1999 theo giấy phép hoạt động số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 49 tỷ đồng, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 60,1 %, cho đến nay Công ty đã có quy mô vốn điều lệ 451,5 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt trên 1,000 tỷ đồng. Trong suốt quá trình hoạt động, BVSC luôn giữ vững vị trí hàng đầu với uy tín, chất lượng dịch vụ tốt, mang đến sự hài lòng cho khách hàng và cổ đông. Đội ngũ nhân viên nhiệt tình và chuyên nghiệp, với sự chủ động và sáng tạo trong công việc, đã đóng góp đáng kể cho quá trình phát triển của BVSC.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư.
- Tư vấn doanh nghiệp (Tư vấn cổ phần hóa và chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp; Tư vấn tài chính doanh nghiệp; Tư vấn phát hành chứng khoán; Tư vấn niêm yết chứng khoán; Tư vấn quản trị doanh nghiệp).
- Bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán.
- Tái cơ cấu, mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A).
- Lưu ký chứng khoán, các dịch vụ tiện ích.
- Tự doanh (đầu tư chứng khoán).
- Phân tích và nghiên cứu.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2008

Doanh thu năm 2008 của Công ty đạt 213,7 tỷ đồng. Trong đó doanh thu môi giới đạt 58,28 tỷ đồng, doanh thu tự doanh đạt 31,99 tỷ đồng, doanh thu tư vấn tài chính là 15,54 tỷ đồng, doanh thu bảo lãnh phát hành đạt 11,61 tỷ đồng, doanh thu lưu ký chứng khoán đạt 2,36 tỷ đồng... Tổng tài sản của Công ty là 1.438 tỷ đồng, tổng vốn chủ sở hữu đạt 1.067 tỷ đồng.

Trong bối cảnh khó khăn của thị trường tài chính, kết quả một số nghiệp vụ kinh doanh của Công ty vẫn đạt ở mức khả quan. Doanh thu tư vấn của Công ty đã tăng 116% so với năm 2007. Tính đến hết năm 2008, số lượng tài khoản giao dịch mở tại Công ty đạt 33.403 (riêng số tài khoản mở mới năm 2008 đạt hơn 7.000). Doanh thu lãi tiền gửi đạt ở mức cao: 43,05 tỷ đồng (tương ứng 132,5% so với kế hoạch cả năm).

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tập trung phát triển mở rộng thị phần môi giới thông qua việc củng cố và đẩy mạnh các hoạt động marketing, chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai nhiều dịch vụ tư vấn, bảo lãnh phát hành như M&A, tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp... để tạo thành chuỗi dịch vụ tư vấn tốt nhất cho khách hàng.

Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp nhằm nâng cao tính cạnh tranh và chuẩn bị nhân lực tốt cho giai đoạn thị trường phục hồi.

Triển khai xây dựng hạ tầng công nghệ hiện đại, tiên tiến đảm bảo hỗ trợ tối đa cho các hoạt động nghiệp vụ, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Tiếp tục nâng cao, gia tăng giá trị cho cổ đông và sự hài lòng của khách hàng. Cùng với sự tăng trưởng của công ty, lợi ích của cổ đông cũng luôn được đảm bảo, tỷ lệ chi trả cổ tức luôn gia tăng theo từng năm.



► Từ trái sang phải

Ông **Võ Hữu Tuấn** - Phó Tổng Giám đốc
Ông **Bùi Quang Bách** - Phó Tổng Giám đốc
Ông **Nguyễn Quang Vinh** - Tổng Giám đốc
Ông **Ngô Phương Chí** - Phó Tổng Giám đốc
Ông **Nhữ Đình Hòa** - Phó Tổng Giám đốc

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢO VIỆT

GIỚI THIỆU

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt (BAOVIET BANK) được thành lập theo Giấy phép số 328/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 11/12/2008. Số vốn điều lệ của BAOVIET BANK là 1.500 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của các cổ đông sáng lập gồm Tập đoàn Bảo Việt (52%); Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (8%); Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (9,9%).

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

BAOVIET BANK cung cấp dịch vụ ngân hàng đa dạng cho mọi đối tượng khách hàng:

- Sản phẩm tiền gửi: tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm.
- Dịch vụ thanh toán: tài trợ thương mại, chuyển tiền trong nước và quốc tế, thanh toán giao dịch chứng khoán...
- Cho vay doanh nghiệp: tài trợ vốn lưu động, tài trợ vốn trung và dài hạn...
- Cho vay cá nhân: cho vay mua xe hơi, mua nhà, cho vay thế chấp bằng tài sản...
- Dịch vụ bảo lãnh: bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu...
- Các dịch vụ và tiện ích ngân hàng điện tử hiện đại như dịch vụ ngân hàng trực tuyến, tin nhắn...
- Các sản phẩm liên kết dịch vụ ngân hàng và dịch vụ bảo hiểm (Bancassurance): bảo hiểm người vay/người gửi tiền, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người...
- Các dịch vụ ngân hàng khác: tư vấn tài chính cá nhân, giao dịch ngân hàng qua điện thoại...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

BAOVIET BANK được xây dựng theo mô hình hiện đại hướng đến chuẩn mực tiên tiến về mô thức quản trị, hệ thống quản lý rủi ro, về công nghệ và về tác phong làm việc chuyên nghiệp. Với phương châm hoạt động **“Chuẩn mực, An toàn, Hiệu quả”**, BAOVIET BANK đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin, quy trình vận hành, đội ngũ nhân sự và hội đủ các điều kiện cần thiết để chính thức gia nhập thị trường. BAOVIET BANK sẽ phát triển mạnh mẽ về quy mô và mạng lưới hoạt động, tận dụng mọi cơ hội hợp tác với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, nhanh chóng đa dạng hóa sản phẩm hướng tới mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2015.

HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BAOVIET BANK đã chọn giải pháp CoreBanking T24 của Tập đoàn Temenos - nhà cung cấp giải pháp phần mềm hàng đầu trên thế giới trong lĩnh vực Ngân hàng - Tài chính và đang từng bước triển khai các hệ thống công nghệ cốt yếu khác của một ngân hàng hiện đại như hệ thống chuyển mạch tài chính và quản lý thẻ, hệ thống ATM & POS, các kênh giao tiếp điện tử khác như Internet Banking, SMS Banking... Hệ thống công nghệ thông tin của BAOVIET BANK sẽ được tích hợp với hệ thống công nghệ thông tin của Tập đoàn Bảo Việt tạo một cơ sở hạ tầng thông tin thống nhất, cho phép khai thác tối đa các nguồn lực công nghệ và dễ dàng triển khai các dịch vụ liên kết từ đơn giản đến phức tạp giữa Bảo hiểm - Ngân hàng - Chứng khoán.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mô hình tổ chức có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển bền vững của một ngân hàng thương mại, bảo đảm các điều kiện thích hợp cho tăng trưởng và quản lý rủi ro. Vì vậy, ngay từ đầu BAOVIET BANK đã được tổ chức với một cấu trúc tiên tiến theo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Tách bạch chức năng “tạo doanh thu”; “quản lý rủi ro” và “tác nghiệp” trong cơ cấu tổ chức;
- Quản lý tập trung cao về Hội sở chính, theo đó chi nhánh thực sự được coi là điểm bán hàng;
- Hội sở chính phải thực sự mạnh với bộ máy nhân sự đủ năng lực và cơ chế vận hành hiệu quả để phát huy được vai trò quản lý trong toàn hệ thống.



► Từ trái sang phải

Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** - Phó Tổng Giám đốc
 Ông **Tôn Quốc Bình** - Phó Tổng Giám đốc
 Ông **Võ Văn Cường** - Phó Tổng Giám đốc
 Ông **Phan Đào Vũ** - Tổng Giám đốc
 Ông **Trần Xuân Quảng** - Phó Tổng Giám đốc
 Ông **Vũ Đức Nhuận** - Phó Tổng Giám đốc

CÁC THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO BAOVIET BANK

Giới thiệu về các
đơn vị thành viên

CÔNG TY BẢO HIỂM QUỐC TẾ VIỆT NAM

GIỚI THIỆU

Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam (VIA) thành lập tháng 10/1996 với số vốn điều lệ 300 tỷ đồng, từ ba đối tác ban đầu (Tập đoàn Bảo Việt chiếm 51%, Tokio Marine & Nichido Fire (TMF) chiếm 24,5% và CGU chiếm 24,5%). Năm 2001, TMF mua lại phần vốn của CGU và VIA trở thành liên doanh của hai đối tác là Tập đoàn Bảo Việt (51% vốn góp) và TMF (49%, sau này TMF chuyển giao phần vốn cho TMA quản lý).

Là công ty liên doanh đầu tiên trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản giữa Bảo Việt (Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu ở Việt Nam) và Tokio Marine & Nichido Fire (Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu Nhật Bản).

Công ty được sự hỗ trợ hoạt động từ phía đối tác cũng như các nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp hàng đầu thế giới. Cùng với sự kết hợp giữa tính chuyên môn quốc tế của Tập đoàn Tokio Marine với kinh nghiệm dày dặn của Tập đoàn Bảo Việt, công ty VIA đã và đang cung cấp cho khách hàng mức độ dịch vụ chuyên nghiệp.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Hiện tại công ty đang cung cấp một loạt sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ cho các khách hàng ở Việt Nam, với các loại bảo hiểm tài sản và thiệt hại, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; bảo hiểm tai nạn con người...

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2008

Kể từ năm 2002 đến nay, hoạt động kinh doanh của VIA bước vào giai đoạn phát triển nhanh chóng và ổn định với tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trước thuế bình quân giai đoạn 2002 -2008 khoảng 20%/năm. Tỷ lệ cổ tức bình quân giai đoạn này khoảng 15%/năm (riêng cổ tức năm 2007 đạt 20%).

Năm 2008, VIA đạt doanh thu 12,8 triệu USD và 2,528 triệu USD lợi nhuận trước thuế. Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 6,2 triệu USD lên 17,6 triệu USD (300 tỷ VNĐ), trong đó Công ty chia thưởng dư lợi nhuận các năm 2004, 2006, 2007 (với mức tổng lợi nhuận chia cho các bên là 15,8 tỷ đồng).

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2009 – 2015, VIA phấn đấu lọt vào top 5 công ty có doanh thu, thị phần hàng đầu thị trường, riêng năm 2009 kế hoạch doanh thu là 16,1 triệu USD, lợi nhuận trước thuế là 3,55 triệu USD, tỷ lệ chia lãi khoảng 14% (trên vốn điều lệ mới).

Và hướng tới mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư tại Việt Nam thông qua các sản phẩm bảo hiểm cao cấp với giá thành hợp lý
- Giải quyết bồi thường cho khách hàng một cách nhanh chóng và thỏa đáng
- Giúp khách hàng giảm thiểu đến mức tối đa các rủi ro gây ra tổn thất, thiệt hại trong kinh doanh.

MẠNG LƯỚI BẢO VIỆT TRÊN TOÀN QUỐC



Hoang Sa

Truong Sa

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM

- Tháng 12/2007** : Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ký hợp đồng bảo hiểm Dự án phóng vệ tinh VINASAT với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
- Ngày 23/1/2008** : Tập đoàn Bảo Việt chính thức ra mắt; đồng thời công bố thành lập lại các công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn: Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Tháng 3/2008** : Tập đoàn Bảo Việt và HSBC Insurance ký thỏa thuận hợp tác đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng.
- Tháng 3/2008** : Bảo hiểm Bảo Việt ký hợp đồng bảo hiểm tàu với Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.
- Tháng 6/2008** : Bộ trưởng Thương mại, Doanh nghiệp và Cải cách chính sách Vương quốc Anh thăm Tập đoàn Bảo Việt.
- Tháng 9/2008** : Hoàng tử Andrew (Vương quốc Anh) thăm và làm việc tại trụ sở Tập đoàn Bảo Việt.
- Tháng 10/2008** : Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ký hợp đồng liên kết chứng khoán - ngân hàng.
- Tháng 12/2008** : Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép Thành lập và hoạt động.
- Tháng 12/2008** : Sản phẩm Universal Life chính thức được Bộ Tài chính phê chuẩn cho phép triển khai.



▲ Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt



▲ Thành lập BAOVIET BANK thể hiện cam kết của Bảo Việt đối với cổ đông

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG



▲ Hỗ trợ xây phòng học cho Trường Tiểu học Hoàng Trù (Nghệ An) giúp các em nhỏ có môi trường học tập tốt hơn.



▲ Chăm sóc người cao tuổi là một trong các hoạt động xã hội ý nghĩa của Tập đoàn Bảo Việt

Cùng với việc triển khai các hoạt động kinh doanh, Bảo Việt cũng tích cực tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng:

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Trong những năm gần đây, Bảo Việt đã nhận phụng dưỡng suốt đời 28 mẹ Việt Nam Anh hùng; xây dựng gần 100 căn nhà tình nghĩa; vận động hơn 3 vạn chữ ký ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam. Bảo Việt tích cực ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; thường xuyên quan tâm thăm hỏi thương binh, bệnh binh, thân nhân gia đình có công với cách mạng...

VÌ THẾ HỆ TRẺ

Quan tâm tới phong trào khuyến học khuyến tài, đào tạo thế hệ tương lai cho đất nước, Bảo Việt đã tài trợ cho các chương trình như Học bổng An sinh giáo dục; Tuổi trẻ dũng cảm - giải thưởng Kim Đồng; chương trình Thủ khoa Việt Nam... Bảo Việt tích cực hưởng ứng chương trình kiên cố hóa trường học do Thủ tướng Chính phủ phát động tại các tỉnh Ninh Bình, Hòa Bình, Hà Nam, Sơn La, Bến Tre, Điện Biên, Lai Châu...

TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI

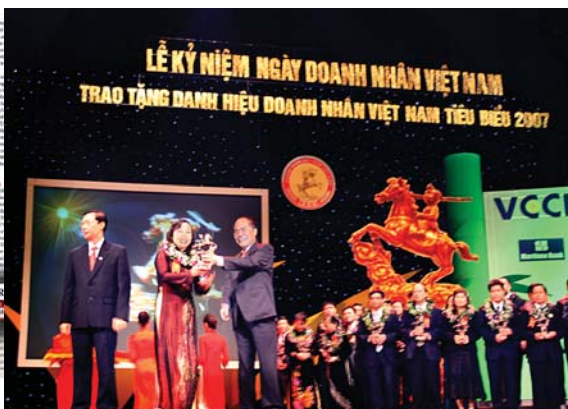
Bảo Việt thường xuyên ủng hộ người nghèo, đóng góp vào chương trình Nối vòng tay lớn, Quỹ Tấm lòng vàng, Quỹ Vì người nghèo...; ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai.

DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ Bảo Việt đã thu được những thành quả đáng tự hào, đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của ngành bảo hiểm nói riêng, nền kinh tế nước nhà nói chung. Sự nỗ lực đó đã được các tổ chức, cộng đồng trong và ngoài nước ghi nhận:

- “Giải thưởng Giao dịch Xuất sắc nhất của năm 2007” do Tạp chí Các nhà đầu tư Châu Á - CFO Asia (thuộc Tập đoàn quốc tế Tạp chí Nhà kinh tế - Economist) trao tặng cho việc cổ phần hóa và bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited của Bảo Việt.
- Tập đoàn Bảo Việt nhận Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt hội nhập WTO 2007.
- Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt - Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm vinh dự nhận Danh hiệu “Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2007” và giải thưởng “Doanh nhân ASEAN 2007”.
- Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo Hiểm Bảo Việt - Ông Trần Trọng Phúc vinh dự nhận Danh hiệu “Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2008”.
- BVSC vinh dự nhận Cúp vàng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” và “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” năm 2008.
- BVSC tự hào nhận giải “Best Equity House” (Công ty tư vấn tốt nhất Việt Nam năm 2008) của giải thưởng Country Awards for Achievement 2008 do Tạp chí Finance Asia tổ chức.



▲ Giải thưởng Giao dịch Xuất sắc nhất của năm 2007

▲ TGD Tập đoàn Bảo Việt nhận Danh hiệu “Doanh nhân VN tiêu biểu 2007” do Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng trao tặng

▲ TGD Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt vinh dự nhận Danh hiệu “Doanh nhân VN tiêu biểu 2008”



> BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Các báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán
cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	49
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Báo cáo kiểm toán độc lập	51
Bảng cân đối kế toán riêng	52
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	53
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	54

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt là một Công ty Cổ phần theo Giấy phép kinh doanh số 010320065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2007.

Tập đoàn Bảo Việt có một trụ sở chính tại Hà Nội và hai công ty con sở hữu 100% vốn hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (“Bảo Hiểm Bảo Việt”) có trụ sở chính tại 35 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (“Bảo Việt Nhân thọ”) có trụ sở chính tại số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội. Tập đoàn cũng có một công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”) có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các công ty con khác của Tập đoàn bao gồm Công ty Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”), Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt (“BAOVIET BANK”) có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tập đoàn cũng có một đơn vị hạch toán phụ thuộc là Trung tâm Đào tạo Bảo Việt, có trụ sở tại 71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính 2008 (từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008) của Tập đoàn là 678.386.879.094 đồng Việt Nam (Lợi nhuận thuần sau thuế cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Tập đoàn là 494.162.882.579 đồng Việt Nam).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và vào ngày lập báo cáo như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM
Lê Quang Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Nguyễn Thị Phúc Lâm	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Trần Hữu Tiến	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Trần Trọng Phúc	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Nguyễn Đức Tuấn	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
David Lawrence Fried	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Nguyễn Quốc Ánh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007

Các thành viên Ban điều hành trong giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và vào ngày lập báo cáo như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM
Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc	15 tháng 10 năm 2007
Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính	30 tháng 06 năm 2008
Phạm Khắc Dũng	Giám đốc Hoạt động	30 tháng 06 năm 2008
Lưu Thanh Tâm	Giám đốc Bất động sản	30 tháng 06 năm 2008
Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	30 tháng 06 năm 2008
Dương Đức Chuyển	Giám đốc Chiến lược	30 tháng 06 năm 2008
Alan Royal	Giám đốc Công nghệ thông tin	08 tháng 09 năm 2008

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Tập đoàn.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- Lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục vì công ty cổ phần mới thành lập (là Tập đoàn Bảo Việt) sẽ kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của công ty 100% vốn Nhà nước cũ (là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam).

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 4, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Lê Quang Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 25 tháng 03 năm 2009

Số tham chiếu: 60755512/13545123

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng") được trình bày từ trang 4 đến trang 38. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

CƠ SỞ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV



Trần Thị Thanh Thủy
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0815/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Báo cáo Tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.515.843.520.815	8.408.911.172.809
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	56.469.344.502	4.458.641.566.083
111	1. Tiền mặt		683.799.074	539.367.298
112	2. Tiền gửi Ngân hàng		55.785.545.428	4.458.102.198.785
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		2.892.065.521.834	3.645.200.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	2.892.065.521.834	3.645.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		565.626.682.480	303.223.051.638
131	1. Phải thu khách hàng	7	148.867.996.879	34.613.168.228
132	2. Trả trước cho người bán	8	1.739.950.000	1.516.000.000
133	3. Phải thu từ các bên liên quan	9	402.851.267.562	264.794.201.174
138	4. Các khoản phải thu khác	10	12.167.468.039	2.299.682.236
140	IV. Hàng tồn kho		980.305.850	1.223.525.731
141	1. Hàng tồn kho	11	980.305.850	1.223.525.731
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		701.666.149	623.029.357
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	74.681.150	241.118.950
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	13	626.984.999	381.910.407
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.335.603.316.393	4.526.222.189.108
220	I. Tài sản cố định		290.763.020.487	241.797.833.001
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	143.673.759.037	71.639.065.928
222	Nguyên giá		184.923.309.473	104.750.029.751
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.249.550.436)	(33.110.963.823)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	17.409.272.148	24.564.606.766
228	Nguyên giá		30.252.957.544	30.082.127.544
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.843.685.396)	(5.517.520.778)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	129.679.989.302	145.594.160.307
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	17	6.044.840.295.906	4.284.424.356.107
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.119.085.388.414	1.916.889.111.106
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		217.862.440.000	78.172.395.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.907.657.590.686	2.289.362.850.001
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(199.765.123.194)	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.851.446.837.208	12.935.133.361.917

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.626.497.743.119	5.229.011.692.126
310	I. Nợ ngắn hạn		1.605.270.669.387	5.207.852.739.223
312	1. Phải trả người bán	18	5.325.733.335	10.647.466.667
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	97.478.587.222	37.776.567.949
315	3. Phải trả người lao động	20	2.355.215.373	17.694.805.519
316	4. Chi phí phải trả	21	-	77.754.276.500
317	5. Phải trả nội bộ	22	1.447.532.125.493	724.032.796.471
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	52.579.007.964	4.339.946.826.117
330	II. Nợ dài hạn		21.227.073.732	21.158.952.903
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	24	21.227.073.732	21.158.952.903
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.224.949.094.089	7.706.121.669.791
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	8.207.281.437.852	7.529.513.503.197
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.730.266.050.000	5.730.266.050.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.734.745.821.197	1.734.745.821.197
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		742.269.566.655	64.501.632.000
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		17.667.656.237	176.608.166.594
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26	17.667.656.237	176.608.166.594
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.851.446.837.208	12.935.133.361.917

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
1.	Dollar Mỹ (USD)		USD 1.673.423,29	USD 1.589.317

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	27	1.073.225.178.477	842.078.450.851	504.029.336.891
22	2. Chi phí tài chính	28	(200.793.167.000)	(200.780.573.917)	(19.251.322)
24	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính		872.432.011.477	641.297.876.934	504.010.085.569
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(124.625.847.888)	(113.194.505.108)	(38.783.432.401)
30	5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		747.806.163.589	528.103.371.826	465.226.653.168
31	6. Thu nhập khác	30	26.284.342.550	25.301.186.385	1.913.415.846
32	7. Chi phí khác		(1.572.278)	(1.572.278)	-
40	8. Lợi nhuận khác		26.282.770.272	25.299.614.107	1.913.415.846
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		774.088.933.861	553.402.985.933	467.140.069.014
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	(95.702.054.767)	(59.240.103.354)	(33.916.192.672)
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32	678.386.879.094	494.162.882.579	433.223.876.342

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		-	1.440.913.160
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(12.296.896.448)	(8.284.459.153)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(39.892.626.154)	(27.580.910.356)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(57.473.383.448)	(39.249.763.827)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		357.895.508.585	1.644.800.122.310
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(656.735.688.849)	(1.665.603.142.970)
10	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(408.503.086.314)	(94.477.240.836)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(44.494.968.150)	(42.724.632.129)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		338.429.472	-
25	3. Tiền chi đầu tư và góp vốn vào các đơn vị khác		(20.601.288.931.626)	(9.082.445.891.449)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác		20.302.210.390.389	4.293.245.189.420
27	5. Tiền thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cổ tức và lợi nhuận được chia		648.513.281.571	81.450.650.817
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		305.278.201.656	(4.750.474.683.341)
30	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền nhận góp vốn cổ phần của các nhà đầu tư trong đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng			
	1. Tiền nhận từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam		-	1.467.127.200.000
	2. Tiền nhận từ HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited		-	4.121.092.773.798
	3. Tiền nhận từ cán bộ công nhân viên		-	256.783.824.620
	4. Tiền nhận từ nhà đầu tư khác		-	3.418.830.263.250
	Tiền trả lại các nhà đầu tư và chuyển trả Bộ tài chính về thặng dư vốn thu từ cổ phần hóa		(4.298.059.929.476)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.298.059.929.476)	9.263.834.061.668
60	IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(4.401.284.814.134)	4.418.882.137.491
70	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.458.641.566.083	38.871.000.389
71	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(887.407.447)	888.428.203
80	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	56.469.344.502	4.458.641.566.083


Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2009


Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	56
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	58
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	59
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	61
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	63
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	64

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ 16 tháng 10 năm 2007 đến 31 tháng 12 năm 2008.

TẬP ĐOÀN

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2007, Tập đoàn Bảo Việt được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103020065 chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Một số thông tin quan trọng của công ty bao gồm:

Tên công ty	: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
Địa chỉ	: Số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh	: Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.
Vốn điều lệ	: 5.730.266.050.000 đồng Việt Nam
Cổ đông sáng lập	: Bộ Tài chính (444.300.000 cổ phiếu, tương đương 77,54% vốn điều lệ) HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited (57.302.661 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ) Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (20.400.000 cổ phiếu, tương đương 3,56% vốn điều lệ)
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm - Tổng Giám đốc

Tập đoàn Bảo Việt có một trụ sở chính tại Hà Nội và hai công ty con sở hữu 100% vốn hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt có trụ sở chính tại 35 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ có trụ sở chính tại số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội. Tập đoàn Bảo Việt cũng có một công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”) có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các công ty con khác của Tập đoàn bao gồm Công ty Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“BAOVIET BANK”) và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVFI”) có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tập đoàn Bảo Việt cũng có một đơn vị hạch toán phụ thuộc là Trung tâm Đào tạo Bảo Việt, có trụ sở tại 71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỐ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho giai đoạn bắt đầu từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Tập đoàn là 529.480.594.292 đồng Việt Nam (lợi nhuận thuần sau thuế cho giai đoạn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007 là 636.411.867.779 đồng Việt Nam).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Tập đoàn.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục vì công ty cổ phần mới thành lập là Tập đoàn Bảo Việt sẽ kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của công ty 100% vốn Nhà nước cũ (là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam).

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn Bảo Việt, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn Bảo Việt và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 4, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Quang Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Số tham chiếu: 60755512/13545123

Tel: + 84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
www.ey.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con "Tập đoàn", báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 5 đến trang 60. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

CƠ SỞ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV

Trần Thị Thanh Thủy
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0815/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.240.785.580.591	12.960.993.812.197
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	480.836.990.174	5.300.970.354.094
111	1. Tiền		425.836.990.174	5.300.970.354.094
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.1	6.553.383.666.012	5.680.183.898.420
121	1. Đầu tư ngắn hạn		7.532.933.455.546	5.680.436.022.844
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(979.549.789.534)	(252.124.424)
130	III. Các khoản phải thu	6	2.142.913.123.378	1.924.622.372.568
131	1. Phải thu khách hàng		1.844.707.942.265	1.742.012.982.353
132	2. Trả trước cho người bán		85.476.953.156	110.341.874.529
138	3. Các khoản phải thu khác		234.634.553.821	86.236.914.702
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(21.906.325.864)	(13.969.399.016)
140	IV. Hàng tồn kho	7	24.620.153.079	22.827.725.091
141	1. Hàng tồn kho		24.620.153.079	22.827.725.091
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.031.647.948	32.389.462.024
151	1. Tam ứng		30.720.937.225	24.437.132.774
152	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		6.884.008.763	7.093.055.126
153	3. Tài sản thiếu chờ xử lý		137.942.020	128.890.014
133	4. Thuế GTGT được khấu trừ		-	118.713.938
154	5. Các khoản ký quỹ, cầm cố, thế chấp ngắn hạn		131.946.400	502.870.139
158	6. Tài sản ngắn hạn khác		1.156.813.540	108.800.033
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.076.789.827.355	15.480.177.254.166
210	I. Tài sản cố định		1.208.962.426.952	1.141.913.551.377
211	1. Tài sản cố định hữu hình	8	449.320.961.350	350.845.780.222
212	Nguyên giá		913.178.189.403	752.121.202.004
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(463.857.228.053)	(401.275.421.782)
217	2. Tài sản cố định vô hình	9	460.102.383.374	455.669.992.633
218	Nguyên giá		494.464.745.098	476.148.881.890
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.362.361.724)	(20.478.889.257)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	299.539.082.228	335.397.778.522
240	II. Bất động sản đầu tư	11	23.448.947.000	21.187.571.200
241	Nguyên giá		23.448.947.000	21.187.571.200
242	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12.2	14.787.789.134.320	14.209.418.474.616
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		254.445.095.067	120.296.893.356
258	2. Đầu tư dài hạn khác		14.749.224.268.905	14.102.958.239.245
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(215.880.229.652)	(13.836.657.985)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		56.589.319.083	107.657.656.973
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	18.692.585.177	22.173.752.755
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	24.3	6.857.264.826	33.400.224.676
241	3. Tài sản ký quỹ dài hạn		23.544.891.651	17.670.211.875
242	4. Tài sản dài hạn khác		7.494.577.429	34.413.467.667
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		25.317.575.407.946	28.441.171.066.363

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		16.526.705.083.134	20.104.553.414.060
310	I. Nợ ngắn hạn		1.039.136.692.088	6.002.281.717.004
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	62.837.598.125
312	2. Phải trả người bán	14.1	574.763.626.611	1.051.424.306.608
313	3. Người mua trả tiền trước	14.2	83.352.799.859	18.154.730.428
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	101.161.318.444	149.931.623.556
315	5. Phải trả người lao động		125.518.508.376	111.142.832.884
316	6. Chi phí phải trả	16	707.410.431	100.946.563.524
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	153.633.028.367	4.507.844.061.879
320	II. Nợ dài hạn		47.074.847.732	44.509.385.786
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24.3	945.805.444	-
343	2. Kỳ quỹ, ký cược dài hạn		21.541.973.411	21.452.442.730
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		24.587.068.877	23.056.943.056
330	III. Dự phòng nghiệp vụ	21.4	15.440.493.543.314	14.057.762.311.270
331	1. Dự phòng phí chưa được hưởng		1.810.127.782.985	1.376.739.006.613
333	2. Dự phòng bồi thường		899.888.531.738	801.092.823.228
334	3. Dự phòng dao động lớn		95.439.760.649	111.767.489.512
332	4. Dự phòng toán học		12.092.010.244.444	11.300.715.676.655
335	5. Dự phòng chia lãi		530.846.019.579	457.195.319.100
336	6. Dự phòng đảm bảo cân đối		12.181.203.919	10.251.996.162
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.301.511.202.912	8.006.447.826.231
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	8.265.011.167.953	7.822.316.351.645
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.730.266.050.000	5.730.266.050.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.840.007.252.773	1.840.088.015.496
413	3. Cổ phiếu ngân quỹ		901.691.533	(453.000.000)
415	4. Chênh lệch tỷ giá		16.075.608.000	14.764.103.248
416	5. Quỹ đầu tư phát triển		8.609.458.421	8.949.648.754
417	6. Quỹ dự phòng tài chính		8.609.458.421	8.949.648.753
418	7. Quỹ dự trữ bắt buộc		17.067.266.899	-
419	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		643.474.381.906	219.751.885.394
420	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		36.500.034.959	184.131.474.586
421	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		36.500.034.959	184.131.474.586
500	C. Lợi ích cổ đông thiểu số	27	489.359.121.900	330.169.826.072
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		25.317.575.407.946	28.441.171.066.363

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VNĐ

	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
1.	Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm (đồng Việt Nam)	141.839.077.571	144.756.433.720
2.	Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	4.401.672.856	5.143.272.582
3.	Ngoại tệ các loại (đô la Mỹ)	9.802.339	4.444.592
4.	Chứng khoán lưu ký của các tổ chức trong nước (đồng Việt Nam)	14.810.016.225.000	[*]
5.	Hàng hóa ký gửi (đồng Việt Nam)	300.000.000	-

[*] Chứng khoán lưu ký của các tổ chức trong nước bao gồm các chứng khoán sở hữu bởi các tổ chức này đang được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC"). BVSC được trả phí cho việc lưu ký chứng khoán này. Số liệu chứng khoán lưu ký tại thời điểm ngày 15 tháng 10 năm 2007 hiện chưa được trình bày.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
01	Thu phí bảo hiểm gốc	20.1	8.114.161.109.283	4.519.897.806.420
02	Thu phí nhận tái bảo hiểm	20.2	166.511.215.608	144.248.807.304
03	Các khoản giảm trừ doanh thu	20.3	(1.269.741.269.847)	(731.131.100.616)
04	Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm		(1.227.008.992.121)	(700.972.256.814)
05	Giảm phí		(2.491.950.484)	(1.759.644.157)
06	Hoàn phí		(40.240.327.242)	(28.399.199.645)
08	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học		(433.388.776.372)	(389.510.857.875)
09	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		166.682.780.794	124.625.121.700
10	Thu nhập khác		21.878.164.890	16.081.536.432
11	Thu khác nhận tái bảo hiểm		10.437.811.891	3.734.774.016
12	Thu khác nhượng tái bảo hiểm		5.519.806.006	8.758.876.876
13	Thu hoạt động khác		5.920.546.993	3.587.885.540
14	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01+02+03+08+09+10)		6.766.103.224.356	3.684.211.313.365
15	Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	21.1	(4.950.625.026.365)	(2.547.621.554.920)
16	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	21.2	(60.384.632.712)	(48.782.431.290)
17	Các khoản giảm trừ chi phí		505.776.580.566	264.947.944.684
18	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21.3	482.761.817.670	259.044.938.934
19	Thu đòi người thứ ba		17.795.279.949	4.361.299.239
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		5.219.482.947	1.541.706.511
21	Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (21 = 15+16+17)		(4.505.233.078.511)	(2.331.456.041.526)
22	Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn		116.453.892.318	180.980.800.000
23	Tăng dự phòng bồi thường		(11.690.746.063)	(97.942.913.574)
24	Trích dự phòng dao động lớn		(100.126.163.455)	(49.548.520.729)
25	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(868.965.315.020)	(468.441.397.155)
26	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc		(804.531.117.925)	(423.152.331.537)
27	Chi hoa hồng		(723.779.216.244)	(373.006.885.540)
28	Chi để phòng hạn chế tổn thất		(42.466.695.918)	(28.374.673.005)
29	Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác		(38.285.205.763)	(21.770.772.992)
34	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(42.232.181.492)	(38.258.632.465)
39	Chi nhượng tái bảo hiểm		(22.202.015.603)	(7.030.433.153)
41	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21+22+23+24+25)		(5.369.561.410.731)	(2.766.408.072.984)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
42	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh Bảo hiểm (42 = 14+41)		1.396.541.813.625	917.803.240.381
43	Chi phí bán hàng		(111.761.190.276)	(10.025.335.793)
44	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(1.444.041.404.698)	(842.842.363.957)
44.1	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		(1.214.858.575.036)	(735.711.941.205)
44.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp ngoài hoạt động bảo hiểm		(229.182.829.662)	(107.130.422.752)
45	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45 = 42+43+44.1)		69.922.048.313	172.065.963.383
46	Doanh thu hoạt động tài chính	22.1	3.293.074.253.306	1.644.778.558.671
47	Chi phí hoạt động tài chính	22.2	(2.676.612.162.993)	(819.286.144.034)
51	Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46+47)		616.462.090.313	825.492.414.637
52	Thu nhập hoạt động khác		23.915.073.650	4.183.501.784
53	Chi phí hoạt động khác		(774.475.524)	(227.146.239)
54	Lợi nhuận hoạt động khác (54 = 52+53)	25	23.140.598.126	3.956.355.545
54.1	Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		22.325.023.675	13.167.778.301
55	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (55 = 44.2+45+51+54+54.1)		502.666.930.765	907.552.089.114
58	Dự phòng bảo đảm cân đối		(1.929.207.757)	(2.394.712.819)
60.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	(147.692.181.049)	(179.840.205.416)
60.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24	(27.488.765.294)	8.536.743.087
61	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 55+58+60.1+60.2)		325.556.776.665	733.853.913.966
62	Lợi ích của cổ đông thiểu số		(203.923.817.627)	97.442.046.187
63	Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu, Tập đoàn Bảo Việt (63 = 61-62)		529.480.594.292	636.411.867.779

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu phí bảo hiểm và các khoản thu khác		40.819.354.749.954	4.324.543.701.056
02	2. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ		(40.197.291.912.050)	(3.010.552.735.216)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(584.434.573.287)	(355.921.349.843)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.564.008.993)	(755.219.531)
05	5. Tiền đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(242.228.369.694)	(176.005.298.990)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.630.536.965.961	2.584.410.282.406
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.915.451.376.492)	(2.797.969.637.998)
10	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(491.078.524.601)	567.749.741.884
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(124.107.687.539)	(97.284.940.353)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		2.323.098.513	16.953.428.678
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(11.510.473.837.264)	(392.895.903.148)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		21.269.751.067.704	387.272.104.831
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(15.154.345.927.579)	(12.880.052.509.029)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		4.324.118.237.312	7.363.780.010.747
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.266.913.794.532	191.308.077.951
28	8. Tiền ủy thác đầu tư		(1.584.294.826.227)	
29	9. Tiền rút vốn ủy thác đầu tư		370.064.471.998	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.140.051.608.550)	(5.410.919.730.323)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		1.242.306.484.691	305.000.000.000
32	2. Tiền trả lãi cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu		5.576.221.000	(6.218.221.000)
33	3. Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn		198.400.000.000	199.582.200.000
34	4. Tiền trả nợ vay		(163.507.200.000)	(13.075.000.000)
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		(59.154.530.000)	(205.775.488.020)
36	6. Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số		(112.961.264.280)	(37.935.764.211)
	TIỀN NHẬN GÓP VỐN CỔ PHẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG			
	1. Tiền nhận từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam		-	1.467.127.200.000
	2. Tiền nhận từ HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Ltd.		-	4.121.092.773.798
	3. Tiền nhận từ cán bộ công nhân viên		-	256.783.824.620
	4. Tiền nhận từ nhà đầu tư khác		-	3.418.830.263.250
	5. Tiền trả lại các nhà đầu tư và chuyển trả Bộ tài chính về thặng dư vốn thu từ cổ phần hóa		(4.298.059.929.476)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.187.400.218.065)	9,505,411,788,437
40	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.818.530.351.216)	4.662.241.799.998
50	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	5	5.300.970.354.094	638.248.420.574
51	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		(1.603.012.704)	480.133.522
60	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	480.836.990.174	5.300.970.354.094


Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc


Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo của Tập đoàn Bảo Việt, là công ty mẹ, và các công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cùng kỳ với báo cáo của công ty mẹ và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Tập đoàn đã lập các bút toán điều chỉnh để phản ánh ảnh hưởng, nếu có, của các khác biệt về chính sách kế toán.

Số dư các tài khoản và các giao dịch nội bộ, bao gồm các khoản lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này, được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ toàn bộ trừ khi có dấu hiệu giảm giá trị của tài sản được chuyển giao.

Các công ty con được hợp nhất từ ngày mua, là ngày mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày quyền kiểm soát đó chấm dứt. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn. Lợi ích cổ đông thiểu số được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

Tập đoàn Bảo Việt thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Niên độ tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng năm tài chính đầu tiên của Tập đoàn sau cổ phần hóa là từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Công văn chấp thuận số 6394/BTC-CKT của Bộ Tài chính ngày 3 tháng 6 năm 2008.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành cam kết Tập đoàn đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan. Tập đoàn cũng đồng thời áp dụng chính sách kế toán cho việc ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu khác và dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất từ việc không thu hồi được số dư nợ tại ngày lập báo cáo. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tập đoàn sử dụng tỷ lệ trích lập dự phòng theo quy định tại thông tư 13/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính như sau:

Tuổi nợ	Tỷ lệ dự phòng
Từ ba tháng đến một năm	30%
Từ một đến hai năm	50%
Từ hai đến ba năm	70%

4.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của công ty mẹ.

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất dài hạn này theo quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003.

4.5 Khấu hao và phân bổ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
TSCĐ khác	4 năm

4.6 Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo của Tập đoàn, đơn vị thực hiện chức năng quản lý hành chính chung và chức năng đầu tư cho toàn bộ Tập đoàn và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con được lập cùng kỳ với báo cáo của công ty mẹ và sử dụng chính sách kế toán nhất quán. Tập đoàn đã lập các bút toán điều chỉnh để phản ánh ảnh hưởng, nếu có, của các khác biệt về chính sách kế toán.

Số dư các tài khoản và các giao dịch nội bộ, bao gồm các khoản lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này, được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ toàn bộ trừ khi có dấu hiệu giảm giá trị của tài sản được chuyển giao.

Các công ty con được hợp nhất từ ngày mua, là ngày mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày quyền kiểm soát đó chấm dứt. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong các công ty con được hợp nhất không nắm giữ bởi Tập đoàn.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh (thông thường là các công ty mà Tập đoàn sở hữu từ 20% đến 50% quyền biểu quyết). Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ công ty liên kết phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng ngày với báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết cũng tương đồng với chính sách kế toán của Tập đoàn đối với các giao dịch và các sự kiện trong các hoàn cảnh tương tự.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày trong thuyết minh số 12.2.2.

Đầu tư vào các cơ sở kinh doanh và hoạt động đồng kiểm soát

Đầu tư của Tập đoàn vào các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm việc ghi nhận phần sở hữu Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đầu tư của Tập đoàn tại các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trên tài sản thuần của các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Lợi ích của Tập đoàn đối với các hoạt động đồng kiểm soát được ghi nhận trên các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- a) tài sản mà Tập đoàn kiểm soát và công nợ phát sinh của Tập đoàn; và
- b) các chi phí phát sinh của Tập đoàn và phần lợi nhuận Tập đoàn thu được từ hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát.

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào Công ty liên doanh VIA (Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam) được tính bằng đồng đô la Mỹ ("USD") và đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo tài chính của công ty liên doanh này là đồng đô la Mỹ tại thời điểm và cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 15 tháng 10 năm 2007. Tuy nhiên, từ ngày 1 tháng 1 năm 2008, VIA đã đăng ký chuyển đổi đồng tiền hạch toán trên sổ sách kế toán sang tiền Việt Nam đồng và tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng.

Danh sách các cơ sở kinh doanh hay các hoạt động chủ yếu mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được trình bày trong thuyết minh số 12.2.2

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1")

Tập đoàn đã đầu tư, trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con sở hữu 100% vốn, vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1"). Tổng số vốn đầu tư của Tập đoàn vào Quỹ BVF1 chiếm 91,58% tổng số vốn của Quỹ vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008. Quỹ BVF1 được hợp nhất vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, các khoản cho vay, cho vay ủy thác, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá chứng khoán là phần vượt trội của giá trị ghi sổ so với giá trị thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tập đoàn trích lập dự phòng các khoản cho vay theo các điều khoản quy định tại Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 và các sửa đổi bổ sung quy định tại quyết định 18/2007/ QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được trích lập theo Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính và các quy định liên quan.

4.7 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu. Theo quy định, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 15% trên mức lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc:

■ *Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có).

■ *Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù các nghĩa vụ quy định tại Điều 42 và Điều 17 như nêu trên là bắt buộc, việc chấp hành các quy định trên còn phụ thuộc vào các quy định chi tiết của Bộ Tài chính tại các thông tư hướng dẫn. Theo quy định tại thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và sau đó là Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003, các công ty được hạch toán dự phòng trợ cấp thôi việc trên cơ sở từ 1% đến 3% quỹ lương cơ bản và tổng số dư dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây được trích lập từ 10% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 64/1999/TT-BTC sẽ được chuyển sang dự phòng trợ cấp thôi việc như quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được hạch toán trên cơ sở từ 1% đến 3% quỹ lương cơ bản vào cuối mỗi năm tài chính.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo tinh thần của Thông tư 82/2003/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 8 năm 2003 hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Từ ngày 1/1/2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm Xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp thôi việc bắt buộc nêu trên sẽ được thay thế bằng trợ cấp thất nghiệp. Hiện chưa có quy định chi tiết về vấn đề trích lập và hạch toán dự phòng cho loại trợ cấp này, nên Tập đoàn vẫn duy trì cách thức trích lập và hạch toán dự phòng trợ cấp thôi việc theo hướng dẫn của Thông tư 82/2003/TT-BTC.

4.9 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 quy định chế độ tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

<i>Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ</i>	<i>Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ</i>
Dự phòng toán học	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng chia lãi	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

4.9.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ:

Dự phòng toán học: là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của tổng số tiền bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại có điều chỉnh của các khoản phải thu phí bảo hiểm gốc trong tương lai. Dự phòng toán học được tính cho tất cả các sản phẩm dựa trên các công thức tính và cơ sở tính của mỗi loại sản phẩm được đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài chính;

Dự phòng phí chưa được hưởng: là khoản dự phòng cho phần doanh thu chưa được hưởng từ phần phí bảo hiểm đã thanh toán trước tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và được tính cho tất cả các hợp đồng còn hiệu lực vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính;

Dự phòng bồi thường: là khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường đã nộp nhưng đang trong quá trình giải quyết vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

Dự phòng chia lãi: là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỉ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó; và

Dự phòng đảm bảo cân đối: là khoản dự phòng chung cho số tiền bảo hiểm phải trả trong trường hợp có sự chênh lệch đáng kể giữa tỉ lệ tử vong giả định hoặc lãi suất kỹ thuật với số thực tế. Dự phòng bảo đảm cân đối được tính bằng 1% lợi nhuận trước thuế.

4.9.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bố đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng chưa được hưởng

=

Phí bảo hiểm giữ lại

x

Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

- Đối với các đơn bảo hiểm có thời hạn dài hơn một năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp từng ngày theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

=

Phí bảo hiểm giữ lại * Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm

Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm: dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR)

Hệ thống thông tin hiện tại của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt không lưu trữ dữ liệu tập trung và đầy đủ. Bên cạnh đó, dữ liệu bồi thường của các năm trước không đủ tin cậy để có thể hỗ trợ cho việc tính toán dự phòng IBNR.

Do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã gửi công văn đề nghị Bộ Tài chính phê duyệt việc sửa đổi công thức tính dự phòng IBNR theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC cho phù hợp với tình hình hiện tại của Tổng Công ty. Bộ Tài chính đã phê duyệt cho Tổng Công ty sử dụng dữ liệu thống kê của năm tài chính hiện tại để tính toán dự phòng IBNR cho năm tài chính hiện tại theo Công văn số 1393/BTC-QLBH ngày 6 tháng 2 năm 2009, theo đó dự phòng IBNR được tính toán theo công thức sau:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại

=

Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của năm tài chính trước

Tổng số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính trước

x

Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được dự chi mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại và dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ của Ban điều hành Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán (“CMKT”) mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tập đoàn hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên các báo cáo tài chính với mức 3.5% tổng phí giữ lại cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Công văn số 1393/BTC-QLBH ngày 06 tháng 2009 của Bộ Tài chính.

68

| Báo cáo Tài chính hợp nhất

4.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Tập đoàn sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá hạch toán quy định cho năm 2008 là 1US\$=15.600VND; 0,84 EUR; 116.21 JPY; 0,58 GBP; và 1,67 SGD. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm (1US\$= 16.977 VND). Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hiện tại.

Đơn vị tiền tệ của Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam ("VIA"), một cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, là đồng đô la Mỹ tại thời điểm và cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 15 tháng 10 năm 2007. Để thực hiện việc hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh này trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 15 tháng 10 năm 2007 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng cuối kỳ. Tuy nhiên, từ ngày 1 tháng 1 năm 2008, VIA đã đăng ký chuyển đổi đồng tiền hạch toán trên sổ sách kế toán từ Đô la Mỹ sang tiền Việt Nam đồng nên việc hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày được hợp nhất theo đồng Việt Nam.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 156"). Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí.

Bảo hiểm nhân thọ

Phí bảo hiểm đóng một lần được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thực thu. Phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc dự thu. Phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu chỉ trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được đảm bảo bằng giá trị giải ước của hợp đồng và được trình bày ở phần "Phải thu phí bảo hiểm gốc" trên Bảng Cân đối kế toán. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên Bảng Cân đối kế toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thưởng hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v. được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

4.12 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phí bảo hiểm thực thu.

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính với tỷ lệ riêng theo Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc thi hành nghị định 45/2007/ND-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về luật kinh doanh Bảo hiểm.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.13 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bản kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

4.14 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Người tham gia bảo hiểm đã đóng phí tối thiểu hai (2) năm có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị giải ước với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng của hợp đồng bảo hiểm. Tạm ứng từ giá trị giải ước được ghi nhận theo giá gốc.

4.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4.16 Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ.

4.17 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

4.18 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	43.079.323.530	38.481.888.827
Tiền gửi ngân hàng	381.733.105.284	5.261.381.334.996
Tiền đang chuyển	1.024.561.360	1.107.130.271
Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	-
Tổng tiền và các khoản tương đương tiền	480.836.990.174	5.300.970.354.094

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Phải thu của khách hàng		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	291.868.957.155	374.097.437.036
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	54.445.230.884	50.937.172.596
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	751.936.401.980	630.194.441.720
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính	735.568.078.361	661.527.590.707
Phải thu khác	10.889.273.885	25.256.340.294
	1.844.707.942.265	1.742.012.982.353
Tạm ứng	9.046.597.407	83.665.444.529
Trả trước quyền mua cổ phiếu	76.430.355.749	26.676.430.000
	85.476.953.156	110.341.874.529
Phải thu khác		
Phải trả liên quan đến đồng bảo hiểm	2.058.547.229	1.212.306.691
Phải thu cổ tức	2.768.919.200	999.479.050
Quỹ đầu tư	-	173.890.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	130.586.456.717	42.000.000
Phải thu lãi trái phiếu	24.236.908.082	6.350.479.189
Phải thu từ hợp đồng repo	4.521.190.000	24.745.283.406
Phải thu khác	70.462.532.593	52.713.476.366
	234.634.553.821	86.236.914.702
Tổng cộng các khoản phải thu	2.164.819.449.242	1.938.591.771.584
Dự phòng phải thu khó đòi	(21.906.325.864)	(13.969.399.016)
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	2.142.913.123.378	1.924.622.372.568

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Ấn chỉ	10.450.082.518	3.093.641.691
Vật liệu, văn phòng phẩm	13.654.763.551	6.519.166.631
Thiết bị, dụng cụ	515.307.010	13.214.916.769
Tổng cộng hàng tồn kho	24.620.153.079	22.827.725.091
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	24.620.153.079	22.827.725.091

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá:						
Tại ngày 15/10/2007 (Trình bày lại)	381.217.544.094	6.319.282.468	115.018.909.863	248.495.952.801	1.069.512.778	752.121.202.004
Tăng trong kỳ	131.191.851.935	17.559.635.204	14.457.419.830	25.424.000.340	95.501.818	188.728.409.127
Trong đó:						
Mua sắm	18.424.266.882	9.891.094.164	14.457.419.830	33.092.541.380	95.501.818	75.960.824.074
Xây dựng mới	112.767.585.053	-	-	-	-	112.767.585.053
Phân loại lại ¹	-	7.668.541.040	-	(7.668.541.040)	-	-
Giảm trong kỳ	(3.611.152.135)	(1.297.582.464)	(7.810.903.443)	(14.834.692.686)	(117.091.000)	(27.671.421.728)
Trong đó:						
Thanh lý	(210.550.046)	(1.297.582.464)	(2.154.625.990)	(11.439.413.898)	(100.931.000)	(15.203.103.398)
Khác ²	(3.400.602.089)	-	(5.656.277.453)	(3.395.278.788)	(16.160.000)	(12.468.318.330)
Tại ngày 31/12/2008	508.798.243.894	22.581.335.208	121.665.426.250	259.085.260.455	1.047.923.596	913.178.189.403
Giá trị hao mòn:						
Tại ngày 15/10/2007 (Trình bày lại)	131.565.602.753	4.260.502.218	72.534.766.484	192.063.155.265	851.395.062	401.275.421.782
Tăng trong kỳ	26.861.816.180	2.483.515.842	16.757.832.738	39.687.566.807	151.222.091	85.941.953.658
Thanh lý, nhượng bán	(100.000.000)	(1.292.744.202)	(2.109.530.709)	(11.165.378.429)	(90.933.856)	(14.758.587.196)
Phân loại lại ¹	-	5.399.755.004	-	(5.399.755.004)	-	-
Giảm khác ²	(1.135.210.694)	-	(5.195.081.461)	(2.255.108.036)	(16.160.000)	(8.601.560.191)
Tại ngày 31/12/2008	157.192.208.239	10.851.028.862	81.987.987.052	212.930.480.603	895.523.297	463.857.228.053
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 15/10/2007 (Trình bày lại)	249.651.941.341	2.058.780.250	42.484.143.379	56.432.797.536	218.117.716	350.845.780.222
Tại ngày 31/12/2008	351.606.035.655	11.730.306.346	39.677.439.198	46.154.779.852	152.400.299	449.320.961.350

¹ Đây là khoản phân loại lại tài sản của BVSC từ trang thiết bị văn phòng sang máy móc thiết bị

² Số liệu này bao gồm nguyên giá tài sản cố định của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt, một công ty con của Tập đoàn trong giai đoạn tái chính trước. Tập đoàn đã bán một phần của khoản đầu tư này. Do đó, các số liệu kế toán của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt không được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tập đoàn trong giai đoạn tái chính hiện tại. Nguyên giá tài sản cố định của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt đã được hợp nhất trong số liệu đầu kỳ của Tập đoàn được ghi giảm để thể hiện việc bán khoản đầu tư trên.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 15/10/2007 (Trình bày lại)	438.505.892.389	21.659.149.001	15.983.840.500	476.148.881.890
Tăng trong kỳ	12.687.650.000	5.331.588.208	296.625.000	18.315.863.208
Tại ngày 31/12/2008	451.193.542.389	26.990.737.209	16.280.465.500	494.464.745.098
Khấu hao lũy kế:				
Tại ngày 16/10/2007	87.309.091	16.570.915.123	3.820.665.043	20.478.889.257
Khấu hao trong kỳ	2.287.921.959	4.935.299.894	6.660.250.614	13.883.472.467
Tại ngày 31/12/2008	2.375.231.050	21.506.215.017	10.480.915.657	34.362.361.724
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 15/10/2007 (Trình bày lại)	438.418.583.298	5.088.233.878	12.163.175.457	455.669.992.633
Tại ngày 31/12/2008	448.818.311.339	5.484.522.192	5.799.549.843	460.102.383.374

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Tài sản cố định mua sắm	6.307.367.000	6.418.156.888
Xây dựng cơ bản dở dang	292.464.903.346	328.665.191.556
Sửa chữa lớn tài sản cố định	766.811.882	314.430.078
	299.539.082.228	335.397.778.522

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
	VND	VND
Công trình xây dựng dở dang tại các chi nhánh của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	20.714.521.272	24.314.564.890
Công trình xây dựng dở dang tại các chi nhánh của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	142.070.392.772	149.455.388.209
Công trình xây dựng dở dang của Trụ sở chính Tập đoàn Bảo Việt	125.419.242.099	141.333.413.104
Phần mềm đang phát triển tại Trụ sở chính Tập đoàn Bảo Việt	4.260.747.203	4.260.747.203
Công trình xây dựng của Bảo Việt Resort Mũi Né	-	9.301.078.150
	292.464.903.346	328.665.191.556

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư ủy thác vào khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đa, Cửa Cỏ, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân, Xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

12.1 Các khoản đầu tư ngắn hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
		VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	12.1.1	4.816.172.650.667	3.699.420.006.600
Trái phiếu	12.1.2	750.727.460.239	28.636.600.000
Cổ phiếu niêm yết	12.1.3	1.963.927.317.440	1.361.850.208.844
Cổ phiếu chưa niêm yết			590.527.707.400
Cho cán bộ công nhân viên vay		-	1.500.000
Đầu tư ngắn hạn khác		2.106.027.200	-
		7.532.933.455.546	5.680.436.022.844
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn		(979.549.789.534)	(252.124.424)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn		6.553.383.666.012	5.680.183.898.420

12.1.1 Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	4.703.190.715.667	3.699.420.006.600
Tiền gửi có kỳ hạn bằng USD	112.981.935.000	-
	4.816.172.650.667	3.699.420.006.600

12.1.2 Trái phiếu

Loại trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%)	Giá trị VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	VNĐ	2 - 5	8 - 10	68.460.500.000
Trái phiếu Chính phủ	VNĐ	2 - 15	6,6 - 9,7	682.266.960.239
				750.727.460.239

12.1.3 Cổ phiếu niêm yết

Mã cổ phiếu	Tên đơn vị phát hành	Số lượng	Mệnh giá VNĐ	Giá trị sổ sách VNĐ
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	8.337.373	83.373.730.000	128.003.093.232
AGF	Công ty CP XNK Thủy sản An Giang	342.850	3.428.500.000	24.002.060.808
ANV	CTCP Nam Việt	320.460	3.204.600.000	30.482.305.830
BBC	CTCP Bánh kẹo Biên Hòa	775.990	7.759.900.000	24.801.756.093
BCC	CTCP Xi măng Bim Sơn	267.505	2.675.050.000	5.113.270.135
BMP	CTCP nhựa Bình Minh	396.000	3.960.000.000	27.153.435.310
BTS	CTCP Xi măng Bút Sơn	41.900	419.000.000	1.064.526.500
DHA	Công ty Cổ phần Hòa An	154.920	1.549.200.000	7.310.846.471
DNP	Công Ty Cổ Phần Nhựa Xây dựng Đồng Nai	1.700	17.000.000	19.720.000
DPM	Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	3.361.350	33.613.500.000	184.192.821.020
DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	1.280.000	12.800.000.000	73.021.571.420
DQC	CTCP Bóng đèn Điện Quang	360.120	3.601.200.000	21.507.659.350
DRC	Công Ty Cổ Phần Cao su Đà Nẵng	600	6.000.000	26.940.000
DXV	CTCP Xi măng Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Đà Nẵng	189.000	1.890.000.000	6.660.547.000
FBT	CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	404.817	4.048.170.000	21.369.562.874
GIL	Công ty Cổ phần SXKD & XNK Bình Thạnh	5	50.000	163.970
GMD	Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	483.715	4.837.150.000	67.119.271.992
GTA	CTCP Chế biến Gỗ Thuận An	927.315	9.273.150.000	13.722.734.806
HAP	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	933	9.330.000	19.078.250
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	230.000	2.300.000.000	11.807.705.000
HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	406.350	4.063.500.000	20.203.200.000
IFS	CTCP Thực phẩm Quốc tế	71.140	711.400.000	2.560.537.420
IMP	CTCP Dược phẩm Imexpharm	238.180	2.381.800.000	14.734.697.040
ITA	CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	746.465	7.464.650.000	50.241.309.554
KDC	Công ty Cổ phần Kinh Đô	347.018	3.470.180.000	50.857.239.350
L18	CTCP Đầu tư và Xây dựng số 18	142.400	1.424.000.000	2.517.804.600
LSS	CTCP Mía đường Lam Sơn	100.000	1.000.000.000	3.612.877.800
MAFPF1	Quỹ đầu tư tăng trưởng Manulife	1.000.000	10.000.000.000	8.799.121.000
MCV	Công ty Cổ Phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	600.000	6.000.000.000	11.754.000.000
MHC	CTCP Hàng hải Hà Nội	166.470	1.664.700.000	3.896.237.819
NHC	Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp	1.748	17.480.000	107.105.720
NKD	CTCP Kinh Đô miền Bắc	213.410	2.134.100.000	14.224.099.868
NSC	CTCP Giống cây trồng Trung Ương	172.270	1.722.700.000	5.906.960.224
NTP	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiến phong	1.016.200	10.162.000.000	62.509.250.000
PAC	CTCP Pin Ấc quy miền Nam	206.890	2.068.900.000	7.567.864.462
PGC	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	234.819	2.348.190.000	9.621.786.170
PIT	CTCP Xuất Nhập khẩu Petrolimex	1.408.137	14.081.370.000	27.658.619.400
PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	116.001	1.160.010.000	2.449.386.370
PPC	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	2.860.000	28.600.000.000	43.084.309.494
PTC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	910.000	9.100.000.000	28.080.000.000
RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông	282.565	2.825.650.000	23.946.037.710
REE	CTCP Cơ điện lạnh	3.372.801	33.728.010.000	227.134.006.202
SAF	CTCP Lương thực Thực phẩm SAFOCO	36.490	364.900.000	1.002.929.000
SAM	CTCP Cáp và Vật liệu Viễn thông	493.737	4.937.370.000	36.106.751.409
SAV	CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu	11.040	110.400.000	518.880.000
SDT	CTCP Sông Đà 10	220.000	2.200.000.000	10.468.462.200
SMC	CTCP Đầu tư Thương mại SMC	645.040	6.450.400.000	15.549.657.089
SSC	CTCP Giống cây trồng miền Nam	90.000	900.000.000	2.591.573.755

Mã cổ phiếu	Tên đơn vị phát hành	Số lượng	Mệnh giá	Giá trị số sách
			VNĐ	VNĐ
SSS	Công ty Cổ phần Sông Đà 6.06	31.000	310.000.000	1.021.379.600
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	2.460.320	24.603.200.000	83.882.660.876
TBC	CTCP Thủy điện Thác Bà	1.210.800	12.108.000.000	14.111.790.000
TCT	CTCP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000
TMS	Công ty Cổ phần Kho vận và Giao nhận Ngoại thương	3	30.000	169.650
TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	240.012	2.400.120.000	15.672.601.300
TTF	CTCP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	576.000	5.760.000.000	40.392.467.000
VF1	Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	478.820	4.788.200.000	14.120.556.172
VFMVF1	Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	4.974.835	49.748.350.000	153.997.205.370
VFMVF4	Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán VFMVF4	11.800.000	118.000.000.000	121.009.493.500
VFR	CTCP Vận tải và Thuê tàu	39.400	394.000.000	788.000.000
VHC	CTCP Vinh Hoàn	570.000	5.700.000.000	23.681.007.000
VNA	CTCP Vận tải biển VINASHIP	17.962	179.620.000	435.479.130
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	215.540	2.155.400.000	17.018.729.025
VSH	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	5.606.013	56.060.130.000	81.213.593.000
VSP	CTCP Đầu tư và Vận tải Dầu khí VINASHIN	7.500	75.000.000	615.412.100
VTO	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco	10.000	100.000.000	239.000.000
VNR	TCT Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	5.762.400	57.624.000.000	57.624.000.000
				1.963.927.317.440

12.2 Các khoản đầu tư dài hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
		VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.2.2	254.445.095.067	120.296.893.356
Đầu tư dài hạn khác			
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	12.2.3	1.809.949.147.314	4.411.542.000.000
Trái phiếu	12.2.4	9.371.633.450.206	8.033.257.940.373
Cho vay và cho vay ủy thác	12.2.5	137.388.978.325	137.008.359.677
Cho vay từ giá trị giải ước	12.2.6	924.787.656.168	880.091.761.568
Cho cán bộ công nhân viên vay		-	2.500.000
Đầu tư góp vốn vào Ngân hàng Bảo Việt và CTCP Đầu tư Bảo Việt		820.000.000.000	-
Đầu tư khác	12.2.7	1.685.465.036.892	641.055.677.627
		14.749.224.268.905	14.102.958.239.245
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(215.880.229.652)	(13.836.657.985)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn		14.787.789.134.320	14.209.418.474.616

12.2.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, Tập đoàn có các công ty con sau:

Công ty nhận đầu tư	Tổng số vốn điều lệ	Vốn đầu tư cam kết	%	Vốn đầu tư thực tế
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	100%	1.500.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	1.500.000.000.000	780.000.000.000	52%	780.000.000.000
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	50.000.000.000	50.000.000.000	100%	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	450.000.000.000	270.507.460.000	60,11%	694.895.148.720
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	1.000.000.000.000	915.849.777.434	91,58%	915.849.777.434

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là hai công ty con mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các báo cáo tài chính của các công ty con này đều đã được hợp nhất toàn bộ vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”) là công ty con mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn, được thành lập vào ngày 22 tháng 8 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tập đoàn và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của BVF là 50.000.000.000 đồng Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các báo cáo tài chính của công ty con này đã được hợp nhất toàn bộ vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”) được thành lập ở Việt Nam có trụ sở chính tại Hà Nội và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, môi giới, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành cổ phiếu, tư vấn và lưu ký chứng khoán. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã được hợp nhất toàn bộ trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 02/UBCK-TLQTV cấp ngày 19/7/2006 do Ủy Ban Chứng khoán nhà nước cấp. Thời gian hoạt động của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Quỹ có Vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho cổ đông với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ và được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam tại công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các báo cáo tài chính của quỹ đầu tư này đã được hợp nhất toàn bộ vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF”), là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVF1 như sau:

	Số vốn góp VNĐ	% trên vốn điều lệ VNĐ
Đầu tư trực tiếp của Công ty mẹ	94.190.239.694	9,42%
Đầu tư gián tiếp của các Công ty con	821.659.537.741	82,16%
<i>Bảo Việt Nhân thọ</i>	<i>601.214.295.907</i>	<i>60,12%</i>
<i>Bảo hiểm Bảo Việt</i>	<i>220.445.241.834</i>	<i>22,04%</i>
	915.849.777.435	91,58%

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt (“BAOVIET BANK”) có trụ sở chính tại Số 8 Phố Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội là công ty con được Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 52% vốn điều lệ, được thành lập vào ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 328/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giấy phép kinh doanh số 0103034012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 12 năm 2008. Vốn điều lệ của BAOVIET BANK là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, do Baoviet Bank chưa đi vào hoạt động chính thức nên không được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tập đoàn Bảo Việt.

12.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết, công ty đồng kiểm soát

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và hoạt động đồng kiểm soát bao gồm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần khách sạn du lịch Bảo Việt ³	7.400.000.000	-
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế	186.640.010.026	73.005.937.584
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEB A	39.000.000.000	27.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Long Việt	21.405.085.041	20.290.955.772
	254.445.095.067	120.296.893.356

³ Công ty Cổ phần khách sạn du lịch Bảo Việt là một công ty con của Tập đoàn trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 15 tháng 10 năm 2007.

Chi tiết các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và hoạt động đồng kiểm soát vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ	Vốn góp cam kết	%	Vốn đã góp	Vốn chưa góp
Công ty liên kết					
Công ty cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	30.000.000.000	10.500.000.000	35,00%	7.400.000.000	3.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEB A	180.000.000.000	39.000.000.000	21,67%	39.000.000.000	-
Công ty liên doanh					
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế "VIA" (quyền kiểm soát 50%)	300.000.000.000	153.000.000.000	51,00%	153.000.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Long Việt	9.916.540.000	4.462.440.000	45,00%	4.462.440.000	-
Góp vốn dự án Quang Minh	40.000.000.000	14.000.000.000	35,00%	14.000.000.000	-
				217.862.440.000	

Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam ("VIA")

VIA được thành lập tại Việt Nam, có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm. Đây là liên doanh giữa Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam trước đây (nay là Tập đoàn Bảo Việt) và Công ty TNHH Millea Asia được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 1639/GPĐC1 ngày 19 tháng 12 năm 1997, Giấy phép Sửa đổi số 1639/GPĐC2 ngày 20 tháng 3 năm 1999 và Giấy phép Đầu tư sửa đổi số 1639/GPĐC3 ngày 24 tháng 02 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành có thời hạn 25 năm. Vốn điều lệ của Công ty là 6.200.000 đô la Mỹ đã được đóng góp đầy đủ bởi các bên liên doanh. Tập đoàn nắm 51% vốn chủ sở hữu trong công ty liên doanh này.

Trước ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế hạch toán trên đồng USD, ngày 01 tháng 01 năm 2008 sau khi được phép của Bộ Tài chính, Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế (VIA) đã chính thức chuyển đổi đơn vị tiền tệ để hạch toán kế toán sang đồng Việt Nam đồng thời nâng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng Việt Nam.

Tập đoàn hiện đang ghi nhận khoản mục đầu tư vào VIA theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Chi tiết tăng giảm của nguồn đầu tư này trong năm là:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Số đầu kỳ	73.005.937.584	49.063.152.807
Tăng vốn	118.129.464.000	-
Phần thụ hưởng lợi nhuận sau thuế trong kỳ	(23.545.704.964)	9.178.681.529
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đồng tiền hạch toán từ USD sang Việt Nam đồng	1.311.504.752	14.764.103.248
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn Bảo Việt	17.738.808.654	-
Số cuối kỳ	186.640.010.026	73.005.937.584

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được thành lập ở Việt Nam, có trụ sở chính tại Phan Thiết và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và du lịch. Vào ngày 15 tháng 10 năm 2007, các báo cáo tài chính của công ty con này đã được hợp nhất toàn bộ vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Tháng 12 năm 2007, Tập đoàn bán đi một số cổ phần tại Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt; tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn đối với Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt giảm từ 55% xuống 35%. Hiện tại Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt là một công ty liên kết của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư và Xây dựng Long Việt (“Long Việt”) và dự án Quang Minh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Số đầu kỳ	20.290.955.772	16.301.859.000
Cổ tức được chia	(2.160.581.000)	-
Phần thụ hưởng của lợi nhuận giữ lại	3.274.710.269	3.989.096.772
Số cuối kỳ	21.405.085.041	20.290.955.772

Nguồn đầu tư vào Long Việt và dự án Quang Minh được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Phần thụ hưởng lợi nhuận giữ lại của Quang Minh và Long Việt sẽ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

12.2.3 Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	1.801.500.000.000	4.379.360.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng USD	8.449.147.314	32.182.000.000
	1.809.949.147.314	4.411.542.000.000

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 7 năm với mức lãi suất từ 8% đến 21% đối với tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và 2,9% với tiền gửi có kỳ hạn bằng USD.

12.2.4 Trái phiếu

Trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Trái phiếu doanh nghiệp	VNĐ	5 - 20	8 - 10,5	2.744.457.773.259
Trái phiếu Chính phủ	VNĐ	2 - 15	7 - 16	6.627.175.676.947
				9.371.633.450.206

12.2.5 Cho vay và cho vay ủy thác

Chi tiết danh mục cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Cho vay

Tên doanh nghiệp	Kỳ hạn	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Dương	3,5 năm	12,36%	10.000.004.000
			10.000.004.000

Cho vay ủy thác

	Loại tiền tệ	Ngân hàng được ủy thác	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
CTCP Nhiệt điện Hải Phòng	VNĐ	BIDV Hải Phòng	11 năm	10,60%	92,165,994,506
CT TNHH Đèn hình Orion - Hanel	USD	BIDV Bắc Thăng Long	6 năm	7,40%	35.222.979.819
					127.388.974.325
					137.388.978.325

12.2.6 Cho vay trên giá trị giải ước

Cho vay trên giá trị giải ước là khoản cho vay mà Bảo Việt Nhân thọ áp dụng cho những đối tượng không thể trả nốt phần còn lại của hợp đồng bảo hiểm và đồng thời có nhu cầu vay khoản tiền bảo hiểm chưa được trả dựa trên giá trị giải ước và tỷ lệ giải ước (80%).

Cho vay phí tự động là khoản cho vay được tự động chi trả cho người mua bảo hiểm khi họ không có khả năng đóng nốt phần phí còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Các bước được thực hiện giống với thủ tục cho vay theo giá trị giải ước. Tuy nhiên, những bước này được hệ thống tự động thực hiện.

12.2.7 Đầu tư khác

Khoản mục đầu tư này bao gồm đầu tư góp vốn mua cổ phần của các công ty khác mà không đem lại cho Tập đoàn quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó, cũng như không thiết lập quan hệ liên doanh dưới dạng cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát hoặc hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát hay tài sản được đồng kiểm soát.

Chi tiết các khoản đầu tư này theo nguồn như sau:

	Giá trị ghi sổ
	VNĐ
Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt	732.808.860.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	79.895.559.767
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	320.356.617.000
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	21.981.105.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	382.373.126.125
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	148.049.769.000
	1.685.465.036.892

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	22.086.489.607	16.554.865.105
Tăng trong năm	20.909.154.254	14.812.346.455
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm	(24.303.058.684)	(9.193.458.805)
Số dư cuối năm	18.692.585.177	22.173.752.755

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

14.1 Phải trả thương mại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo Việt Nhân thọ	64.406.563.491	35.874.942.968
Phải trả bồi thường bảo hiểm nhân thọ	22.268.764.005	17.125.405.910
Phải trả hoa hồng bảo hiểm nhân thọ	41.098.865.764	18.237.888.667
Phải trả hoàn phí bảo hiểm nhân thọ	154.341.722	81.508.900
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	884.592.000	430.139.491
Bảo hiểm Bảo Việt	472.236.477.811	411.313.821.327
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	66.445.111.838	59.941.658.233
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	32.513.354.742	23.604.679.741
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	373.278.011.231	327.767.483.353
	535.758.449.302	447.188.764.295
Phải trả hoạt động tài chính		
Phải trả hoạt động tài chính	8.900.502.913	293.117.415.131
	8.900.502.913	293.117.415.131
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả cho công ty phát hành chứng khoán	9.373.960.114	267.168.522.963
Phải trả các hợp đồng repo (trái phiếu)	-	31.607.020.734
Phí giám sát quỹ BVF1 phải trả cho ngân hàng kiểm soát		
HSBC, chi nhánh TP Hồ Chí Minh	67.024.194	286.154.619
Phải trả khác	19.779.098.088	12.056.428.866
	29.220.082.396	311.118.127.182
	574.763.626.611	1.051.424.306.608

14.2 Người mua trả tiền trước

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Phí bảo hiểm trả trước	25.035.032.294	13.713.730.828
Lãi trả trước	58.317.767.565	-
Tạm ứng từ khách hàng để tư vấn phát hành cổ phiếu	-	4.440.999.600
	83.352.799.859	18.154.730.428

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 15 tháng 10 năm 2007	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.956.581.156	232.247.352.517	229.985.698.745	17.218.234.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.833.231.578	147.696.121.549	208.987.688.454	83.541.664.673
Thuế nhà đất	(18.810.326)	3.275.627.562	3.199.214.231	57.603.005
Tiền thuê đất	-	1.343.989.099	1.343.989.099	-
Các loại thuế khác	(9.839.378.852)	109.956.465.701	99.773.281.011	343.805.838
Thuế môn bài	2.000.000	505.730.500	505.730.500	2.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	7.147.920.035	31.381.656.486	25.603.697.543	12.925.878.978
Thuế khác	(16.989.298.887)	78.069.078.715	73.663.852.968	(12.584.073.140)
Các loại phí khác	-	150.038.452	150.028.452	10.000
	149.931.623.556	494.669.594.880	543.439.899.992	101.161.318.444

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-
Phần mềm BVINVEST	-	56.920.000
Phải trả chi phí (ước tính) cho cổ phần hóa ⁴	-	71.399.306.500
Chi phí phải trả khác	707.410.431	29.490.337.024
	707.410.431	100.946.563.524

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (trình bày lại)
	VNĐ	VNĐ
Tài sản thừa chờ xử lý	22.729.580	22.729.580
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	3.742.992.327	3.851.698.938
Phải trả lãi, cổ tức, vốn gốc	4.136.236.870	17.280.064.720
Doanh thu chưa thực hiện	-	636.769.319
Phải trả cho ban đại diện của BVF1	73.500.000	171.099.002
Phải trả khác ⁵	145.657.569.590	4.485.881.700.320
	153.633.028.367	4.507.844.061.879

⁴ Đây là số liệu dự tính tại ngày 15 tháng 10 năm 2007. Chi phí thực tế là 84.491.474.672 đồng Việt Nam đã được Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán tại công văn số 8593/BTC-TCĐN ngày 22 tháng 07 năm 2008 của Bộ tài chính về việc quyết toán tài chính sau Cổ phần hóa của Tập đoàn Bảo Việt.

⁵ Các khoản phải trả ngày 15 tháng 10 năm 2007 được trình bày điều chỉnh lại theo Quyết định số 1635/QĐ-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và các điều chỉnh theo công văn số 8593/BTC-TCĐN ngày 22 tháng 07 năm 2008 của Bộ tài chính về việc quyết toán tài chính sau Cổ phần hóa của Tập đoàn Bảo Việt. Số tiền còn phải chuyển trả về Bộ Tài chính tại ngày 15 tháng 10 năm 2007 theo công văn số 8593/BTC-TCĐN ngày 22 tháng 07 năm 2008 của Bộ tài chính là 4.198.888.412.823 đồng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 15/10/2007(Trình bày lại)	5.730.266.050.000	1.840.088.015.496	(453.000.000)	14.764.103.248	8.949.648.754	8.949.648.753	-	219.751.885.394	7.822.316.351.645
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	529.480.594.292	529.480.594.292
Phân chia lợi nhuận sang các quỹ khác	-	-	901.691.533	-	(340.190.333)	(340.190.332)	17.067.266.899	(17.288.577.767)	-
Phân chia lợi nhuận sang quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(27.166.079.487)	(27.166.079.487)
Tăng do chênh lệch tỷ giá khoản đầu tư vào VIA	-	-	-	1.311.504.752	-	-	-	(1.311.504.752)	-
Chi trả thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(618.944.439)	(618.944.439)
Tăng (giảm) khác trong kỳ	-	(80.762.723)	453.000.000	-	-	-	-	(59.372.991.335)	(59.000.754.058)
Tại ngày 31/12/2008	5.730.266.050.000	1.840.007.252.773	901.691.533	16.075.608.000	8.609.458.421	8.609.458.421	17.067.266.899	643.474.381.906	8.265.011.167.953

⁶ Số tiền này dùng để tăng vốn điều lệ tại BVSC, BVF, VIA và Long Việt

18.2 Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (trình bày lại)
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	184.131.474.586	166.201.821.212
Tăng trong kỳ	27.166.079.478	213.615.197.875
Sử dụng trong kỳ	(174.797.519.105)	(195.685.544.501)
Số dư cuối kỳ	36.500.034.959	184.131.474.586

19. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (trình bày lại)
	VND	VND
Tổng số tiền thuê theo các hợp đồng không hủy ngang sẽ đến hạn trong vòng		
Dưới 1 năm	19.106.517.241	17.146.847.820
Từ 1 đến 5 năm	38.976.097.354	55.035.794.330
Trên 5 năm	14.455.717.617	-
	72.538.332.212	72.182.642.150

20. DOANH THU

20.1 Thu phí bảo hiểm gốc

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm sinh kỳ	4.000.749.760.439	2.439.988.341.400
Bảo hiểm tử kỳ	2.998.241.226	1.506.761.586
Bảo hiểm trọn đời	54.092.300.143	9.409.230.120
Niên kim nhân thọ	14.139.633.100	28.251.289.411
Điều khoản riêng	80.992.389.774	43.061.387.316
Bảo hiểm liên kết qua ngân hàng	510.007.052	71.862.713
	4.153.482.331.734	2.522.288.872.546
Cộng:		
Hoàn phí	12.681.953.897	14.307.317.000
	4.166.164.285.631	2.536.596.189.546
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	315.322.334.955	150.086.271.404
Bảo hiểm Tàu thủy	467.056.621.053	210.408.802.104
Bảo hiểm Dầu khí	1.638.897.274	12.550.731.115
Bảo hiểm Hàng không	328.265.040.951	101.705.578.617
Bảo hiểm Kỹ thuật	333.030.478.420	143.694.049.321
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	333.610.098.523	179.507.420.136
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	63.494.226.635	32.279.697.557
Bảo hiểm Nông nghiệp	2.164.597.064	387.800.394
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.169.952.667.621	637.988.430.602
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và bảo hiểm con người	933.461.861.156	514.692.835.624
	3.947.996.823.652	1.983.301.616.874
	8.114.161.109.283	4.519.897.806.420

20.2 Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	30.175.734.323	31.031.482.822
Bảo hiểm Tàu thủy	21.294.202.840	2.347.292.839
Bảo hiểm Dầu khí	13.696.317.238	18.369.581.876
Bảo hiểm Hàng không	5.795.755.884	2.986.543.272
Bảo hiểm Kỹ thuật	55.382.305.585	46.661.209.524
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	40.166.899.738	42.852.696.971
	166.511.215.608	144.248.807.304

20.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm	1.227.008.992.121	700.972.256.814
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	157.948.206.102	94.458.593.613
Bảo hiểm Tàu thủy	192.464.810.791	69.723.810.025
Bảo hiểm Dầu khí	1.374.173.893	35.458.741.565
Bảo hiểm Hàng không	325.936.175.047	104.262.180.415
Bảo hiểm Kỹ thuật	277.735.551.133	185.010.894.381
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	264.917.842.866	212.058.036.815
Bảo hiểm con người	6.632.232.289	-
Giảm phí	2.491.950.484	1.759.644.157
Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ		
	2.491.950.484	1.759.644.157
Hoàn phí	40.240.327.242	28.399.199.645
Hoạt động bảo hiểm nhân thọ		
	12.681.953.897	14.307.317.000
Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	27.558.373.345	14.091.882.645
Tổng cộng các khoản giảm trừ	1.269.741.269.847	731.131.100.616

21. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

21.1 Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	2.115.453.819.834	1.121.742.649.000
Chi giá trị giải ước	863.794.289.725	365.346.331.423
Chi bồi thường	53.808.628.400	56.640.562.269
	3.033.056.737.959	1.543.729.542.692
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	161.855.484.094	54.695.336.495
Bảo hiểm Tàu thủy	270.846.467.534	159.032.451.511
Bảo hiểm Dầu khí	9.100.000	355.546.550
Bảo hiểm Hàng không	2.341.723.827	43.422
Bảo hiểm Kỹ thuật	62.320.362.952	51.100.023.726
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	269.748.437.502	156.745.717.808
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	1.439.686.068	1.789.183.005
Bảo hiểm Xe cơ giới	693.893.531.039	319.393.602.461
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và bảo hiểm con người	454.744.095.937	260.603.102.808
Bảo hiểm Nông nghiệp	369.399.453	177.004.442
	1.917.568.288.406	1.003.892.012.228
	4.950.625.026.365	2.547.621.554.920

21.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	3.888.707.260	6.264.717.167
Bảo hiểm Tàu thủy	12.376.905.397	887.065.100
Bảo hiểm Dầu khí	9.986.221.675	3.362.824.055
Bảo hiểm Hàng không	771.725.413	3.173.558.650
Bảo hiểm Kỹ thuật	14.623.222.967	7.940.309.362
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	18.737.850.000	27.153.956.956
	60.384.632.712	48.782.431.290

21.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VND	VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	66.879.836.784	53.655.399.795
Bảo hiểm Tàu thủy	116.003.051.293	20.014.746.684
Bảo hiểm Dầu khí	160.080.716	(444.932.382)
Bảo hiểm Hàng không	1.024.556.186	-
Bảo hiểm Kỹ thuật	65.230.537.516	47.012.202.639
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	233.463.755.175	138.807.522.198
	482.761.817.670	259.044.938.934

21.4 Dự phòng nghiệp vụ

21.4.1 Thay đổi trong dự phòng nghiệp vụ

	Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn	Dự phòng toán học	Dự phòng chia lãi	Dự phòng đảm bảo cân đối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ							
Vào ngày 16/10/2007	468.880.767.902	2.170.819.800	-	11.300.715.676.655	457.195.319.100	10.251.996.162	12.239.214.579.619
Trích lập dự phòng	193.226.680.537	2.846.025.900	-	791.294.567.789	73.650.700.479	1.929.207.757	1.062.947.182.462
Vào ngày 31/12/2008	662.107.448.439	5.016.845.700	-	12.092.010.244.444	530.846.019.579	12.181.203.919	13.302.161.762.081
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Vào ngày 16/10/2007	907.858.238.711	798.922.003.428	111.767.489.512	-	-	-	1.818.547.731.651
Trích lập dự phòng	240.162.095.835	95.949.682.610	100.126.163.455	-	-	-	436.237.941.900
Sử dụng trong năm	-	-	116.453.892.318	-	-	-	116.453.892.318
Vào ngày 31/12/2008	1.148.020.334.546	894.871.686.038	95.439.760.649	-	-	-	2.138.331.781.233
Tổng cộng vào ngày 16/10/ 2007	1.376.739.006.613	801.092.823.228	111.767.489.512	11.300.715.676.655	457.195.319.100	10.251.996.162	14.057.762.311.270
Tổng cộng tại ngày 31/12/2008	1.810.127.782.985	899.888.531.738	95.439.760.649	12.092.010.244.444	530.846.019.579	12.181.203.919	15.440.493.543.314

21.4.2 Phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ

Bảo hiểm nhân thọ

Những năm trước, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ) áp dụng phương pháp thống kê bảo hiểm trong ước tính các dự phòng nghiệp vụ với các công thức và hệ số chi tiết cho từng loại hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực như đăng ký và phê duyệt của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên, do hạn chế của việc phân cấp quản lý dữ liệu xuống các công ty thành viên và các hạn chế nội tại của cơ sở dữ liệu tổng hợp, Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra một số điều chỉnh trong quá trình tính toán dữ liệu dự phòng dựa trên kinh nghiệm của các năm trước nhằm bổ sung cho việc không đầy đủ thông tin trong tính toán dự phòng.

Dự phòng nghiệp vụ bao gồm dự phòng kỹ thuật, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn việc thực hiện Nghị định 46/2007/ND-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về chế độ tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm triển khai từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 trở đi, cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ phải bằng hoặc thận trọng hơn mức tối thiểu theo quy định của Bộ Tài chính. Yêu cầu này cũng được khuyến nghị áp dụng đối với các sản phẩm bảo hiểm triển khai trước ngày 1 tháng 1 năm 2006. Như đã được đề cập ở trên, trước ngày 1 tháng 1 năm 2007 Bảo Việt Nhân thọ áp dụng giả định tính phí (đã được Bộ Tài chính phê duyệt) dựa trên cơ sở từng sản phẩm.

Ngày 16 tháng 11 năm 2007 Bảo Việt Nhân thọ đã trình Bộ Tài chính công văn thay đổi phương pháp ước tính dự phòng cho tất cả các sản phẩm kể từ năm 2007 và được chấp thuận bởi Bộ Tài chính vào ngày 3 tháng 12 năm 2007. Phương pháp trích lập dự phòng mới không thay đổi so với năm trước, chỉ thay đổi giả định tính toán và đảm bảo tuân thủ với yêu cầu của Bộ Tài chính và không có điều chỉnh nào liên quan đến sự không chính xác của dữ liệu được thực hiện.

Ban Tổng Giám đốc của Bảo Việt Nhân thọ tin rằng phương pháp trích lập dự phòng hiện đang được áp dụng là đảm bảo nguyên tắc thận trọng và việc áp dụng phương pháp này cũng đã vượt quá mức cần thiết nếu Bảo Việt Nhân thọ trích lập dự phòng theo Thông tư 99. Nếu nhìn từ khía cạnh thận trọng thì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19, có hiệu lực từ tháng 1 năm 2006, cũng cho phép doanh nghiệp bảo hiểm, trong trường hợp đang áp dụng nguyên tắc kế toán thận trọng, không nhất thiết phải thay đổi các chính sách kế toán cho các hợp đồng bảo hiểm để làm giảm sự thận trọng đó.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8.

Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bố đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng	=	Phí bảo hiểm giữ lại	x	Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng
------------------------------	---	----------------------	---	------------------------------------

- Đối với các đơn bảo hiểm có thời hạn dài hơn một năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp từng ngày theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng	=	$\frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$
------------------------------	---	--

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm: dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR)

Hệ thống thông tin hiện tại của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt không lưu trữ dữ liệu tập trung và đầy đủ. Bên cạnh đó, dữ liệu bồi thường của các năm trước không đủ tin cậy để có thể hỗ trợ cho việc tính toán dự phòng IBNR.

Do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã gửi công văn đề nghị Bộ Tài chính phê duyệt việc sửa đổi công thức tính dự phòng IBNR theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC cho phù hợp với tình hình hiện tại của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt. Bộ Tài chính đã phê duyệt cho Tổng Công ty sử dụng dữ liệu thống kê của năm tài chính hiện tại để tính toán dự phòng IBNR cho năm tài chính hiện tại theo Công văn số 1393/BTC-QLBH ngày 6 tháng 2 năm 2009, theo đó dự phòng IBNR được tính toán theo công thức sau:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của năm tài chính trước}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính trước}}$	x	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}}$
--	---	---	---	---	---	---

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được dự chi mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại và dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ của Ban điều hành Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

22. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

22.1 Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	1.357.990.051.993	465.865.811.858
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.135.794.096.702	573.544.648.915
Lãi cho vay	10.068.365.014	7.547.694.006
Cổ tức được chia	356.293.084.403	131.686.127.748
Lãi chênh lệch tỷ giá	92.872.700.054	18.788.645.748
Lãi đầu tư chứng khoán	155.417.841.089	378.199.647.799
Doanh thu hoạt động tài chính khác	184.638.114.051	69.145.982.597
	3.293.074.253.306	1.644.778.558.671

22.2 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Dự phòng toán học	791.294.567.789	590.832.185.657
Dự phòng chia lãi	73.650.700.479	93.830.716.525
Chênh lệch tỉ giá	79.591.106.081	26.423.605.256
Chi phí vay ủy thác	-	34.732.154.742
Các khoản khác	1.732.075.788.644	73.467.481.854
	2.676.612.162.993	819.286.144.034

Các khoản chi phí tài chính khác kỳ này bao gồm cả chi phí trích lập dự phòng giám giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn là: 1.138.312.394.737 đồng Việt Nam.

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Chi phí quản lý liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm:		
Chi phí nhân công	440.438.330.364	277.597.149.982
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.826.988.168	48.656.043.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.673.269.811	48.902.906.795
Thuế và chi phí lệ phí	1.671.682.569	261.421.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.402.303.298	60.892.400.605
Chi phí dự phòng	499.276.275	72.544.292.293
Chi phí khác	340.346.724.551	226.857.726.116
	1.214.858.575.036	735.711.941.205
Chi phí quản lý ngoài hoạt động bảo hiểm:		
Chi phí nhân công	91.994.071.970	43.060.629.861
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.689.382.998	2.639.313.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.152.156.314	10.249.094.188
Thuế và chi phí lệ phí	1.230.136.198	1.318.860.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.123.182.962	15.244.484.185
Chi phí dự phòng	90.628.629	187.897.055
Chi phí khác	903.270.591	34.430.142.877
	229.182.829.662	107.130.422.752
	1.444.041.404.698	842.842.363.957

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngoại trừ trường hợp của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH Quản lý Quỹ, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 28% lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH Quản lý Quỹ được miễn trừ thuế TNDN trong hai (02) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong ba (03) năm tiếp theo. Các Công ty này còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009 theo thông tư 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	147.692.181.049	179.840.205.416
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.488.765.294	(8.536.743.087)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	175.180.946.343	171.303.462.329

24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế	502.666.930.765
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	9.067.376.729
Chi phí không hợp lệ	9.017.376.729
Phạt vi phạm hành chính	50.000.000
Các điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	(689.535.223.318)
Cổ tức không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(628.723.452.551)
Lãi công trái được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(53.481.797.077)
Lãi do đánh giá lại tỷ giá	(6.615.521.953)
Thay đổi trong dự phòng phải thu khó đòi	(714.451.737)
Điều chỉnh hợp nhất không ảnh hưởng đến thu nhập chịu thuế	11.198.085.492
Điều chỉnh phần lỗ không chịu thuế tại BVSC và BVF	710.415.796.371
Các khoản điều chỉnh để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	41.146.035.274
Dự phòng đảm bảo cân đối	(1.929.207.757)
Thu nhập chịu thuế ước tính	541.883.758.282
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 28%	521.873.869.945
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất ưu đãi 10%	15.007.416.253
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất ưu đãi 7%	5.002.472.084
Thuế TNDN ước tính	147.975.598.256
Thuế TNDN của kỳ trước	(881.262.096)
Thuế TNDN trên doanh thu từ đầu tư vào chứng chỉ quỹ BVF1	597.844.889
Tổng thuế thu nhập phát sinh trong kỳ	147.692.181.049
Thuế TNDN phải trả vào ngày 15 tháng 10 năm 2007	144.833.231.578
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp đầu kỳ	3.940.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	(208.987.688.454)
Thuế TNDN phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	83.541.664.673

24.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Tập đoàn trong kỳ hiện tại và trong năm trước được trình bày dưới đây:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Kỳ này VNĐ	Kỳ trước VNĐ	Kỳ này VNĐ	Kỳ trước VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.857.264.826	33.400.224.676	(26.542.959.850)	8.536.743.087
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(945.805.444)	-	(945.805.444)	-
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			(27.488.765.294)	8.536.743.087

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	2.471.690.403	102.548.962
Thu nợ khó đòi	131.964.931	1.458.286.307
Cho thuê văn phòng	16.949.380.400	1.878.093.120
Thu nhập khác	4.362.037.916	744.573.395
	23.915.073.650	4.183.501.784
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	149.509.400	120.499.313
Chi phí khác	624.966.124	106.646.926
	774.475.524	227.146.239
Lợi nhuận thuần khác	23.140.598.126	3.956.355.545

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động góp vốn đầu tư. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn với các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu VNĐ
Bộ Tài chính	Chủ sở hữu	77,54%
HSBC Insurances (Asia Pacific) Holdings Limited	Chủ sở hữu	10,00%
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin)	Chủ sở hữu	3,56%
Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam (VIA)	Công ty Liên doanh	51,00%

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Loại tiền	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008
Bộ Tài chính	Chuyển tiền thặng dư vốn cổ phần về Bộ Tài chính sau khi bù trừ chi phí cổ phần hóa	VNĐ	4.198.888.412.823
Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam (VIA)	Nhận tái bảo hiểm	VNĐ	7.040.623.980
	Nhượng tái bảo hiểm	VNĐ	8.645.289.120
	Nhượng tái bảo hiểm	VNĐ	(3.052.433.436)
	Chuyển tiền tăng vốn điều lệ	VNĐ	(110.056.635.805)
	Nhận cổ tức trong kỳ	VNĐ	23.545.704.965
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Chuyển trả lại tiền bán cổ phần do điều chỉnh giá bán bình quân	VNĐ	(14.039.151.945)
	Chuyển trả chi phí hỗ trợ kỹ thuật theo dự án TSCTA	USD	(6.113.613)
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin)	Mua trái phiếu của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Vinashin	VNĐ	(90.000.000.000)

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	263.642.762.565	137.360.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	351.443.416.424	87.894.365.701
Cổ phiếu quỹ	598.308.467	-
Quỹ đầu tư phát triển	5.712.720.677	-
Quỹ dự phòng tài chính	5.712.720.677	5.941.861.510
Quỹ dự trữ bắt buộc	-	5.941.861.510
Lợi nhuận chưa phân phối	(137.750.806.910)	93.031.237.351
	489.359.121.900	330.169.826.072

28. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản tranh chấp, kiện tụng

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt hiện đang có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng nhưng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần, trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.832.000 đô la Mỹ và 8.655.749.000 đồng Việt Nam (tổng cộng tương đương với 39.757.613.000 đồng Việt Nam). Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu đòi bồi thường này.

Thuế nhà thầu

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt chưa thực hiện giữ lại các khoản thuế nhà thầu có thể phát sinh từ các khoản thanh toán phí bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm nước ngoài trên cơ sở đây là thông lệ của ngành bảo hiểm, cũng như dựa trên tinh thần của các cuộc kiểm tra quyết toán thuế được thực hiện trong các năm trước. Do chưa có kết luận cuối cùng từ các cơ quan thuế có thẩm quyền về việc liệu phí nhượng tái cho các nhà nhận tái nước ngoài có nằm trong diện chịu thuế nhà thầu hay không, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt hiện không trích lập dự phòng cho các nghĩa vụ thuế tiềm tàng có thể phát sinh. Rủi ro thuế tiềm tàng là 9.952.778.354 đồng Việt Nam và 7.684.267.137 đồng Việt Nam về thuế nhà thầu và thuế giá trị gia tăng.

29. CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007 đã được kiểm toán để chuyển sang Công ty Cổ phần. Tuy nhiên, ngày 28 tháng 07 năm 2008 Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1635/QĐ-BTC về việc xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, đồng thời ngày 22 tháng 07 năm 2008 Bộ Tài chính có công văn số 8593/BTC-TCĐN về việc quyết toán tài chính sau Cổ phần hóa của Tập đoàn Bảo Việt, do vậy số dư ngày 15 tháng 10 năm 2007 của báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày điều chỉnh lại theo Quyết định nói trên để phù hợp với việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007 đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm nay. Bảng sau đây trình bày ảnh hưởng của các điều chỉnh này đối với số liệu đầu kỳ.

TT	TÀI SẢN	Ngày 15 tháng 10 năm 2007	Điều chỉnh theo Quyết định của Bộ Tài chính	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	13.045.485.286.869	(84.491.474.672)	12.960.993.812.197
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.300.970.354.094	-	5.300.970.354.094
1.	Tiền	5.300.970.354.094	-	5.300.970.354.094
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.680.183.898.420	-	5.680.183.898.420
1.	Đầu tư ngắn hạn	5.680.436.022.844	-	5.680.436.022.844
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(252.124.424)	-	(252.124.424)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.009.113.847.240	(84.491.474.672)	1.924.622.372.568
1.	Phải thu khách hàng	1.742.012.982.353	-	1.742.012.982.353
2.	Trả trước cho người bán	110.341.874.529	-	110.341.874.529
3.	Các khoản phải thu khác	170.728.389.374	(84.491.474.672)	86.236.914.702
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.969.399.016)	-	(13.969.399.016)
IV.	Hàng tồn kho	22.827.725.091	-	22.827.725.091
1.	Hàng tồn kho	22.827.725.091	-	22.827.725.091
V.	Tài sản ngắn hạn khác	32.389.462.024	-	32.389.462.024
1.	Tạm ứng	24.437.132.774	-	24.437.132.774
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	7.093.055.126	-	7.093.055.126
3.	Tài sản thiếu chờ xử lý	128.890.014	-	128.890.014
4.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	118.713.938	-	118.713.938
5.	Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	502.870.139	-	502.870.139
6.	Tài sản ngắn hạn khác	108.800.033	-	108.800.033
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	15.535.638.765.738	(55.461.511.572)	15.480.177.254.166
I.	Tài sản cố định	1.197.375.062.949	(55.461.511.572)	1.141.913.551.377
1.	Tài sản cố định hữu hình	350.845.780.222	-	350.845.780.222
	Nguyên giá	752.121.202.004	-	752.121.202.004
	Giá trị hao mòn lũy kế	(401.275.421.782)	-	(401.275.421.782)
2.	Tài sản cố định vô hình	511.131.504.205	(55.461.511.572)	455.669.992.633
	Nguyên giá	531.610.393.462	(55.461.511.572)	476.148.881.890
	Giá trị hao mòn lũy kế	(20.478.889.257)	-	(20.478.889.257)
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	335.397.778.522	-	335.397.778.522
II.	Bất động sản đầu tư	21.187.571.200	-	21.187.571.200
	Nguyên giá	21.187.571.200	-	21.187.571.200
	Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
III.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.209.418.474.616	-	14.209.418.474.616
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	120.296.893.356	-	120.296.893.356
2.	Đầu tư dài hạn khác	14.102.958.239.245	-	14.102.958.239.245
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(13.836.657.985)	-	(13.836.657.985)
IV.	Tài sản dài hạn khác	107.657.656.973	-	107.657.656.973
1.	Chi phí trả trước dài hạn	22.173.752.755	-	22.173.752.755
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.400.224.676	-	33.400.224.676
3.	Tài sản ký quỹ dài hạn	17.670.211.875	-	17.670.211.875
4.	Tài sản dài hạn khác	34.413.467.667	-	34.413.467.667
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	28.581.124.052.607	(139.952.986.244)	28.441.171.066.363

TT	NGUỒN VỐN	Ngày 15 tháng 10 năm 2007	Điều chỉnh theo Quyết định của Bộ Tài chính	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (trình bày lại)
A	NỢ PHẢI TRẢ	23.135.273.858.151	(3.030.720.444.091)	20.104.553.414.060
I.	Nợ ngắn hạn	9.033.002.161.095	(3.030.720.444.091)	6.002.281.717.004
1.	Vay và nợ ngắn hạn	62.837.598.125	-	62.837.598.125
2.	Phải trả người bán	1.051.424.306.608	-	1.051.424.306.608
3.	Người mua trả tiền trước	18.154.730.428	-	18.154.730.428
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	149.931.623.556	-	149.931.623.556
5.	Phải trả người lao động	111.142.832.884	-	111.142.832.884
6.	Chi phí phải trả	100.946.563.524	-	100.946.563.524
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.538.564.505.970	(3.030.720.444.091)	4.507.844.061.879
II.	Nợ dài hạn	44.509.385.786	-	44.509.385.786
1.	Ký quỹ, ký cược dài hạn	21.452.442.730	-	21.452.442.730
2.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	23.056.943.056	-	23.056.943.056
III.	Các khoản dự phòng nghiệp vụ	14.057.762.311.270	-	14.057.762.311.270
1.	Dự phòng phí chưa được hưởng	1.376.739.006.613	-	1.376.739.006.613
2.	Dự phòng bồi thường	801.092.823.228	-	801.092.823.228
3.	Dự phòng dao động lớn	111.767.489.512	-	111.767.489.512
4.	Dự phòng toán học	11.300.715.676.655	-	11.300.715.676.655
5.	Dự phòng chia lãi	457.195.319.100	-	457.195.319.100
6.	Dự phòng đảm bảo cân đối	10.251.996.162	-	10.251.996.162
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	5.445.850.194.456	2.890.767.457.847	8.336.617.652.303
I.	Vốn chủ sở hữu	4.931.306.152.152	2.891.010.199.493	7.822.316.351.645
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.443.000.000.000	1.287.266.050.000	5.730.266.050.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	105.342.194.299	1.734.745.821.197	1.840.088.015.496
3.	Cổ phiếu ngân quỹ	(453.000.000)	-	(453.000.000)
4.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.764.103.248	-	14.764.103.248
5.	Quỹ đầu tư phát triển	8.949.648.754	-	8.949.648.754
6.	Quỹ dự phòng tài chính	85.866.623.382	(76.916.974.629)	8.949.648.753
7.	Quỹ dự trữ bắt buộc	54.084.697.075	(54.084.697.075)	-
8.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	219.751.885.394	-	219.751.885.394
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	184.374.216.232	(242.741.646)	184.131.474.586
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	184.374.216.232	(242.741.646)	184.131.474.586
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	330.169.826.072	-	330.169.826.072
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	28.581.124.052.607	(139.952.986.244)	28.441.171.066.363



Nguyễn Thị Phúc Lâm

Tổng Giám đốc



Lê Hải Phong

Giám đốc Tài chính



Nguyễn Thanh Hải

Kế toán Trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3928 9898 / 3928 9999

Fax: (84.4) 3928 9609 / 3928 9610

Email: congbothongtin@baoviet.com.vn